

ਗੁਰਪੂਜਾ

THE GURU PUJA

LỄ CÚNG DƯỜNG  
ĐỨC BỒN SƯ



I. **QUY Y**  
**REFUGE**

1. །བདེ་ཆེན་ངང་ལས་རང་ཉིད་སྒྲུ་མ་ལྟ།

de-ch'en ngang-lä rang-nyi la-ma-lha

*Trong niềm Đại Hỷ Lạc, đệ tử biến thành Đức Phật Bốn Sư,  
Within great bliss, I arise as my Guru Yidam.*

།གང་དེར་གསལ་བའི་སྒྲུ་ལས་འོད་ཟེར་ཚོ་གས།

g'ang-d'er säi-wäi ku-lä wö-zer-tsog

*Từ thân con trong suốt, vô lượng ánh hào quang tỏa rạng  
mười phương.*

*From my clear body masses of light rays*

།ཕྱོགས་བཅུར་འཕྲོས་པས་སྒྲོད་བཅུད་བྱིན་བརྒྱབས་པས།

ch'og-chur tr'ö-pä nö-chu j'in-lab-pä

*Chú nguyện hộ trì chốn này cùng mọi chúng sinh nơi đây.  
radiate into the ten directions,*

།དགའ་པར་རབ་འབྱམས་འབར་ཞིག་ཡོན་ཏན་གྱི།

d'ag-pa rab-jam ba-zhig yön-tän-gy'i

*blessing the world and its beings*

།བཀོད་པའི་ཁྱད་པར་ལུན་སུམ་ཚོ་གསལ་པར་གྱུར།

kö-päi ky'ä-par p'un-sum tsog-par-gy'ur

*Tất cả biến thành toàn hảo và chỉ mang những  
phẩm hạnh thù thắng cực kỳ thanh tịnh.*

*All becomes perfectly arrayed with only infinitely pure qualities*

2. །རབ་དཀར་དགེ་སེམས་ཆེན་པོའི་ངང་ཉིད་ནས།

rab-kar ge-sem ch'en-pöi ngang-nyi-nä

*Từ trạng thái của tâm thức siêu việt và đức hạnh,  
From the state of an exalted white virtuous mind*



འདག་དང་མཁའ་མཉམ་མ་རྒྱ་སེམས་ཅན་རྣམས།

dag-d'ang k'a-nyam ma-gän sem-chän-nam

Đệ tử cùng tất cả các chúng sinh đã từng là mẹ đệ tử

từ vô lượng kiếp, rộng lớn khắp hư không

I and all infinite, old mother sentient beings

དེང་ནས་ཇི་སྤྱད་བྱང་ཆུབ་སྒྲིབ་པའི་བར།

d'eng-nä j'i-si j'ang-ch'ub nying-pöi-b'ar

Từ bây giờ cho đến khi Giác Ngộ.

from this moment until our supreme enlightenment

ལྷ་མ་དགོན་མཆོག་གསུམ་ལ་སྐྱབས་སུ་འགྲོ།

la-ma kön-ch'og sum-la kyab-su-dro

Chúng con xin nguyện quy y Đức Bốn Sư, Tam Bảo

go for refuge to the Gurus and the Three Precious Gems.

3.

ནམ་གུ་རུ་བྱུ།

Namo Gurubhya.

Đệ tử xin dành lễ đức Bốn Sư

Homage to the Guru

ནམ་བུ་རྒྱལ།

Namo Buddhaya.

Đệ tử xin dành lễ đức Phật

Homage to the Buddha

ནམ་ཇུ་རྒྱལ།

Namo Dharmaya.

Đệ tử xin dành lễ Pháp

Homage to the Dharma

ནམ་སངས་རྒྱལ།

Namo Sanghaya. (3x)

Đệ tử xin dành lễ Tăng già

Homage to the Sangha



4.

|མ་སེམས་ཅན་ཀུན་གྱི་དོན་གྱི་ཕྱིར།

ma-sem-chän kun-gy'i d'on-gy'i-ch'ir

*Vì tất cả các chúng sinh mẹ,*

*For the sake of all mother sentient beings*

|བདག་ཉིད་སྤྲུལ་ལྷར་གྱུར་ནས།

dag-nyi la-ma lhar-gy'ur-nä

*Đệ tử xin nguyện tự hóa thành Đức Phật Bốn Sư*

*I shall become my Guru Deity*

|སེམས་ཅན་སྤྲུལ་ལྷར་སྤྲུལ།

sem-chän t'am-chä la-ma-lhãi

*Và xin nguyện dẫn dắt mọi chúng sinh*

*and place all sentient beings*

|གོ་འཕང་མཆོག་ལ་འགོད་པར་བྱ།

g'o-p'ang ch'og la gö-par-j'a (3x)

*Đạt đến Giác Ngộ Tối Thượng của Đức Phật Bốn Sư*

*in the supreme state of a Guru Deity.*

5.

|མ་སེམས་ཅན་སྤྲུལ་ལྷར་གྱི་དོན་དུ།

ma-sem-chän t'am-chä-kyi d'ön-d'u dag-g'i

*Vì tất cả các chúng sinh mẹ,*

*For the sake of all mother sentient beings*

|བདག་གིས་ཆོ་འདི་ཉིད་ལ་ལྷུར་བ་ལྷུར་བར།

tse-di-nyi-la nyur-war nyur-war dö-mă sang-gyă

*Đệ tử xin nguyện tinh tấn đạt đến Giác Ngộ của Đức Phật Bốn Sư*

*I shall quickly, quickly, in this very life*

ལགོད་མའི་སངས་རྒྱལ་བ་ལྟའི་གོ་འཕང་མཛོན་དུ་བྱས།

la-ma-lhăi g'o-p'ang ngön-d'u-j'ă

Ngay trong đời này thật mau chóng  
attain the state of a primordial Guru-Yidam Buddha

6.

ལ་སེམས་ཅན་སྐྱེ་བ་ལྔ་ལ་ལས་བསྐྱལ།

ma-sem-chăn t'am-chă dug-ngäl lä-dräl

Đệ tử xin nguyện giải thoát mọi chúng sinh mẹ khỏi khổ đau.  
I shall free all mother sentient beings from suffering

ཁད་ཆེན་སངས་རྒྱལ་གྱི་ས་ལ་འགོད་པར་བྱ།

de-ch'en sang-gyă-kyi sa-la gö-par-j'a

Và dẫn dắt chúng sinh đạt đến cõi Cực Lạc của Phật quốc  
and place them in the great bliss of Buddhahood

དེའི་ཕྱིར་དུ་ལམ་ཟབ་མོ་བྱ་བ་ལྟའི་

d'e-ch'ir d'u-lam zab-mo la-ma-lhăi

Vì mục đích này, đệ tử xin nguyện tu tập  
Therefore I shall now practise the profound path

ལྷན་འབྲེལ་ཉམས་སུ་བྱང་བར་བཀྱིལ།

nal-jor nyam-su lang-war-gyio (5 and 6: 3x)

Pháp môn thâm diệu Du Già Đức Phật Bốn Sư  
of Guru-Yidam yoga

\* 7. ཨོཾ་ཧཱུཾ་ཧཱུཾ་

OM AH HUM (3x)



8. །དེ་བོ་ཡེ་ཤེས་ལ་རྣམ་པ་ནང་མཆོད་དང་། མཆོད་ཇུས།  
 ngo-we ye-she-la nam-pa nang-ch'ö-d'ang ch'ö-dzä  
*Mây thanh tịnh cúng dường bên ngoài, bên trong và bí mật*  
*Pure clouds of outer, inner and secret offerings*
- །སོ་སོ་འི་རྣམ་པ། བྱེད་ལས་དབང་པོ་དྲུག་གི་སྦྱོར་ཡུལ་དུ།  
 so-söi nam-pa j'e-lä wang-po dr'ug-g'i chö-yul-d'u  
*Duyên hợp chúng con lại với Đức Bốn Sự; quán tưởng cúng*  
*dường*  
*Fearsome items and objects to bond us closely*
- བདེ་སྦྱོར་གི་ཡེ་ཤེས་ བྱེད་པར་ཅན་བསྐྱེད་པས་ས་དང་  
 de-tong-g'i ye-she ky'ä-par-chän kye-pä sa-d'ang  
*Tràn ngập tận cùng hư không, đất và trời*  
*and fields of vision pervade the reaches of space, earth and sky*  
*spreading out inconceivably. In essence wisdom-knowledge*
- བར་སྒྲུང་རྣམ་མཁའ་ཁྱོན་ཐམས་ཅད་ཡོངས་སུ་བྱུང་པའི་  
 b'ar-nang nam-k'äi ky'ön t'am-chä yong-su-  
 ky'ab-päi  
*Trải rộng khắp cùng, tột cùng bất khả tư nghĩ*  
*in aspect inner offerings and various offerings objects*
- ཕྱི་ནང་གསང་བའི་མཆོད་སྒྲིན་དམ་ཇུས་སྦྱོར་གཟུགས་  
 ch'i-nang sang-wäi ch'ö-trin d'am-dzä chän-zig  
*Tinh túy chính là Kim cang Bồ Đề Giác Ngộ, hiển bày*  
*bằng sự cúng dường bên trong và các phẩm vật cúng*  
*dường,*  
*as enjoyments of the six senses they function*

བསམ་གྱིས་མི་བྱུང་པས་གང་བར་གྱུར།

sam-gy'i mi-ky'ab-pä g'ang-war-gy'ur

*Cốt để phát sinh Tối Thượng Kim Cang Bồ Đề Giác Ngộ của  
Tánh Không và Hỷ Lạc. Đó cũng là niềm hỷ lạc mà  
lạc căn an trụ.*

*to generate the special wisdom-knowledge of bliss and voidness*

## II. QUÁN TƯỚNG TÔNG CHI CHU TỔ VÀ ĐỨC BỐN SƯ

### THE TREE OF ASSEMBLED GURUS

9. ཁད་སྤོང་དབྱེར་མེད་ལྷ་ལམ་ཡངས་པར་གྱུན་བཟང་མཆོད་སྤྱོན་འཁྲི  
གས་པའི་དབུས།

de-tong yer-me lha-lam yang-par kun-zang ch'ö-  
trin tr'ig-pä-u

*Trong bầu trời rộng lớn của Tánh Không và Hỷ Lạc bất khả  
phân,*

*In the vast space of indivisible bliss and void, amidst billowing clouds*

ཁོ་མ་མེ་ཏོག་འབྲས་བུས་ཡོངས་མཛེས་འདོད་དགྲུའི་དཔག་བསམ་

ལྷོན་པའི་རྩེ།

lo-ma me-tog drä-b'u yong-dze dö-gui pag-sam  
jön-päi-tzer

*Giữa biển mây cuộn cuộn phẩm vật cúng dường Phổ Hiền  
Vương Bồ Tát,*

*of Samantabhadra offerings, at the crest of a wish-granting tree*

།གཏོང་ལྷ་འབར་བའི་རིན་ཆེན་གྱི་སྒྲིབ་ཆུ་སྒྱེས་ཉི་ཟླ་རྒྱས་པའི་སྒྲིབ།

dong-nga bar-wäi rin-ch'en tr'i-teng ch'u-kye  
nyi-da gyä-päi-teng

*Trên đỉnh ngọn cây Như Ý*

*Tráng lệ đầy hoa, lá và quả,*

*Là bảo tòa sư tử tỏa rạng, dát đầy ngọc quý*

*embellished with leaves, flowers and fruits, is a lion-throne ablaze  
with precious gems on which is a lotus, sun and full moon*

10.

།བཀའ་དྲིན་གསུམ་ལྷན་ཅུ་བའི་བླ་མ་སངས་རྒྱས་ཀྱི་ཁྱིའོ་བོ་ཉིད།

ka-dr'in sum-dän tzä-wäi la-ma sang-gyä kun-gyi  
ngo-wo-nyi

*Trên bờ đoàn hoa sen với vầng nhật nguyệt tròn đầy*

*Đức Bổn Sư an tọa,*

*There sits my root Guru, kind in all three ways, in essence all Buddhas*

།རྒྱལ་པ་དྲུང་སྒྲིག་འཛིན་པའི་དགེ་སློང་ཞལ་གཅིག་ལྷག་གཉིས་

འཇུག་དཀར་འཕྲོ།

nam-pa ngur-mig dzin-päi ge-long zhäl-chig  
ch'ag-nyi dzum-kar-tr'o

*Với lòng hảo tâm từ bi trọn vẹn ba phương diện,*

*Là tinh túy của chư Phật*

*Người mặc áo tỳ kheo màu vàng*

*Thị hiện với một gương mặt, hai tay và nụ cười tỏa rạng  
đầy đức hạnh.*

*in aspect a saffron-robed monk, with one face, two arms and a radiant*

|ཕུག་གཡས་ཚེས་འཆད་གཡོན་པ་མཉམ་གཞག་བདུད་རྩིས་གང་

བའི་ལྗང་བཟེད་བསྐྱམས།

ch'ag-yä ch'ö-ch'ä yön-pa nyam-zhag du-tzi  
g'ang-wäi lhung-ze-näm

*Bàn tay phải bắt ấn thuyết pháp.*

*Bàn tay trái bắt ấn nhập định và mang bình bát đựng đầy  
nước Cam Lộ*

*white smile. Your right hand is in the gesture of expounding the  
Dharma;*

|གུར་གུམ་མདངས་ལྷན་ཚེས་གོས་གསུམ་གསོལ་གསེར་མདོག་

པར་ཞུས་དབུ་ལ་མཛེས།

g'ur-g'um dang-dän ch'ö-g'ö sum-söl ser-dog  
pän-zhă u-la-dze

*Người mặc ba thứ Pháp y màu vàng rực rỡ*

*Đội mũ pandit: mũ hiền trí màu vàng thanh nhã*

*your left in meditative pose holds a begging bowl full of nectar. You wear  
three lustrous saffron robes and your head is graced by a golden pandit's  
hat*

11.

|ཐུག་ཀར་ཀུ་འད་དོར་ཇེ་ཆེ་འཆད་དབང་ཞལ་གཅིག་ཕུག་གཉིས་སྐྱ

མདོག་སྒྲ།

t'ug-kar ky'ab-dag dor-je ch'ang-wang zhäl-chig  
ch'ag-nyi ku-dog-ngo

*Trong tâm người là đức Phật Kim Cang Trì toàn diện*

*Thị hiện thân xanh sẫm, một mặt và hai tay*

*In your heart sits the all pervading Lord Vajradhara, with a blue body*



དོར་དྲིལ་བཟུང་ནས་དབྱིངས་ལྷག་མར་འཁྱུང་ལྷན་སྐྱེས་བདེ་སྟོང་  
རོལ་པས་དགྱེས་

dor-dr'il zung-nä ying-ch'ug mar-kyu lhän-kye  
de-tong röl-pä-gye

*Cầm chùy Kim Cang và chuông, ôm trong lòng Kim Cang  
Giới Isvari*

*Vui sướng an trụ trong Tánh Không và Hỷ Lạc bất khả phân  
one face, two arms, holding vajra and bell and embracing Vajradhatu  
Ishvari*

རྣམ་མང་རིན་ཆེན་རྒྱན་གྱིས་སྤྲས་ཤིང་ལྷ་ཇས་དར་གྱི་

ན་བཟས་སྐབས་

nam-mang rin-ch'en gyän-gy'i trä-shing lha-dzä  
d'ar-gy'i na-zä-lub

*Rực rỡ mang nhiều châu ngọc*

*Và mặc áo thiên y bằng lụa trời*

*You delight in the play of simultaneous bliss and void, are adorned  
with jewelled ornaments of many designs and clothed in garments of  
heavenly silks*

12.

མཆོན་དཔེའི་རྒྱན་ལྷན་འོད་ཟེར་སྟོང་འབར་འཇམ་ཚལ་སྒྲ་ལྷས་བསྐྱོར་

བའི་དབུས་

tsän-peï gyän-dän wö-zer tong-bar ja-tsön na-ngä  
kor-wä-u

*Tỏa rạng với ngàn ánh sáng, Đức Bốn Sư ngồi sáng với  
các tướng quý lớn và nhỏ của Đức Phật*

*Radiant with thousands of light rays, adorned with the major and minor  
signs*

dor-je kyil-trung tsul-gy'i zhug-päi p'ung-po  
nam-d'ag de-sheg-nga

*Hoàn toàn thanh tịnh, ngũ uẩn của người là năm vị Phật  
nhập Hỷ Lạc;*

ཁམས་བཞི་ཡུམ་བཞི་སྐྱེ་མཆོད་ཙ་རྒྱས་ཚིག་ས་རྣམས་བྱང་ཆུབ་སེམ

k'am-zhi yum-zhi kye-ch'e tza-gyu tsig-nam  
j'ang-ch'ub sem-pa-ngö

བ་སྐྱ་དག་བཅོམ་ཉི་ཁྱི་ཆིག་སྟོང་ཡན་ལག་སྟོབ་པའི་དབང་པོ་ཉིད་

b'a-pu dra-chom nyi-tr'i ch'ig-tong yän-lag tr'o-  
wöi wang-po-nyi

*Các chân lông của người là 21000 vị A la hán,  
Tứ chi của người là các Hộ Pháp phần nộ  
your sense spheres, energy channels, sinews and joints are all actually  
bodhisattvas. The hairs of your pores are 21,000 Arhants*

འོད་ཟེར་ཕྱོགས་སྒྲིབ་གཞོན་སྒྲིབ་གསལ་བ་འཇིག་རྟེན་པ་རྣམས་ཞབས་གྱི་

གདན་

wö-zer ch'og-kyong nö-jin sang-wa jig-ten pa-  
nam zhab-kyi-dän

*Ánh sáng tỏa từ người là Chư Thiên Hộ Trì Pháp, là vua  
của châu báu và các thánh chúng,*

*Trong khi tất cả chư thiên thế gian chỉ là đệm đặt chân  
của người*

*your limbs the wrathful protectors; the light-rays directional guardians, lords  
of wealth and their attendants, while all worldly gods are cushions for your  
feet.*

13.

ཁམས་རྒྱུ་རིམ་བཞིན་དངོས་བརྒྱད་སྤྱི་ཡོད་མ་དགྱིལ་འཁོར་ལྷ་

ཚོགས་དང་།

t'a-kor rim-zhin ngö-gyu la-ma yi-d'am kyil-k'or  
lha-tsog-d'ang

*Chung quanh Đức Bốn Sư sắp theo thứ tự*

*Là biển chư Thầy, Tổ quá khứ và hiện tại bao bọc*

*Surrounding you in their respective order sit the direct and lineage Gurus*

ཁས་སྤྱད་སྤྱི་ཡོད་མ་དགྱིལ་འཁོར་ལྷ་ཚོགས་

བསྐྱོར་ནས་བཞུགས།

sang-gyã j'ang-sem pa-wo k'a-dro tän-sung gya-  
tsö kor-nä-zhug

*Là Chư Phật an trụ trong Mạn Đà La cùng các thánh*

*chúng thị giả. Chư Phật, chư Bồ Tát, đấng Chiến Thắng*

*Vương Viras, chư Thiên nữ và chư Hộ Pháp*

*yidams, host of mandala deities, Buddhas, bodhisattvas, heroes and  
dakinis encircled by an ocean of Dharma protectors*

14. །དེ་དག་སྒོ་གསུམ་དྲེ་ཐེ་གསུམ་མཚན་རྒྱུ་ཡིག་འོད་ཟེར་

འཕྱགས་གྲུ་ཡིས།

d'e-d'ag go-sum dor-je sum-tsän hum-yig wö-zer  
chag-kyu-yi

*Ba cửa ngõ của người đều mang dấu chùy Kim Cang  
Từ chủng tự HUM, ánh sáng chiếu rạng ra ngoài như là  
móc câu từ bi*

*Their three doors are marked with the three vajras; from the syllable  
HUNG hooked light rays go out invoking the wisdom beings*

རང་བཞིན་གནས་ནས་ཡེ་ཤེས་པ་རྣམས་སྤྱན་དངས་དབྱེར་མེད་

\*

བརྟན་པར་གྱུར།

rang-zhin nä-nä ye-she pa-nam chän-dr'ang yer-  
me tän-par-gy'ur

*Thỉnh Chư Phật Đại Trí thị hiện xuống nơi đây*

*Hòa hợp nhập vào đức Bốn Sư*

*from their natural abode to become inseparably set*

15. །ཕུན་ཚྏ་གས་བདེ་ལེགས་འབྱུང་གནས་དུས་གསུམ་གྱི།

p'un-tsog de-leg jung-nä d'u-sum-gy'i

*Đức Bốn Sư là nguồn đức hạnh, hỷ lạc và toàn thiện*

*Sources of goodness and well-being throughout the three times*

།རྩ་བརྒྱུད་སྤྲུལ་ཡི་དམ་དགོན་མཚོ་ག་གསུམ།

tza-gy'u la-ma yi-d'am kön-ch'og-sum

*Là nguồn cội của Tổ Sư, Chư Phật và của Quy Y Tam Bảo*

*root and lineage Gurus, Yidams, Three Jewels of Refuge, heroes*

།དཔའ་བོ་མཁའ་འགྲོ་ཚས་སྤྱོད་སྤྱད་ཚྏ་གས་བཅས།

pa-wo k'a-dro ch'ö-kyong sung-tsog-chä

*Là chư Chiến Thắng Vương Viras, chư Thiên Nữ, Pháp bảo  
và Hộ Pháp cùng các thánh chúng, thị giả trong ba đời  
Viras, dakinis, Dharma protectors and hosts of guardians*

× འཇུག་ཤེས་ཀྱི་དབང་གིས་འདིར་ག་ཞེས་བརྟན་པར་བཞུགས།

t'ug-jei wang-g'i dir-sheg tän-par-zhug

*Với thần lực từ bi, xin người hãy thị hiện và mãi mãi ở  
cùng đệ tử*

*by the power of your compassion come forth and abide steadfast.*

16. ཆོས་རྒྱལ་པོ་རང་བཞིན་འགྲོ་འོང་གུན་བྲལ་ཡང་

ch'ö-nam rang-zhin dro-wong kun-dr'äl-yang

*Dù mọi vật đều tự bản tánh chẳng đi mà cũng chẳng đến  
Though all things are totally free of inherent coming and going*

།སྤྱོད་ཆོག་གསུལ་བྱའི་བསམ་པ་ཇི་བཞིན་དུ།

na-tsog dul-j'ai sam-pa j'i-zhin-d'u

*Đức Bốn Sư vẫn thị hiện qua đức hạnh trí huệ và từ bi  
của người*

*still you arise through your virtuous conduct of wisdom and loving  
compassion*

ཅིར་ཡང་འཆར་བའི་མཁྱེན་བརྩེན་འཕྲིན་ལས་ཅན།

chir-yang ch'ar-wäi ky'en-tzei tr'in-lä-chän

*Và hóa thân dưới muôn vàn dạng để khế hợp cứu độ  
mọi đệ tử*

*according to the dispositions of your varied disciples*



x །སྐྱབས་མགོན་དམ་པ་འཁོར་བཅས་གཤེགས་སུ་གསོལ།

kyab-gön d'am-pa k'or-chä sheg-su-söl

*Xin dâng Thánh Trí Quy Y Hộ Pháp thị hiện cùng chư  
tôn Thánh chúng*

*Holy Refuge-Protectors, please come forth with your retinues*

\* 17. ཨོཾ་གུ་རུ་བུ་ཏྲ་བོ་ནི་སཏྲ་རྩྭ་པུ་ལས་པ་རི་སྒྲ་མེ་ཁྱེ་ནི་ཨོཾ་ཧཱུྃ་མེ་ཏྲེ་ཨོཾ་

*Om Guru Buddha Bodhi sattva Dharma pala*

*sa-pari-wara EH HYA HI DZAH HUM BAM HOH*

ཨེ་ཤེས་པ་རྣམས་དམ་ཆོག་པ་དང་གཉིས་སུ་མེད་པར་གྱུར་

*ye-she pa-nam d'am-tsig pa-d'ang nyi-su me-par-  
gy'ur*

*Trí Huệ và chư Tổ Bốn Sư trở thành bất nhị  
the wisdom and symbolic beings become non-dual.*

### III. ĐÁNH LỄ PROSTRATION

18. གང་གི་སྐྱབས་ཇེས་བདེ་བ་ཆེན་པོའི་དབྱིངས།

*g'ang-g'i t'ug-je de-wa ch'en-pöi-ying*

*Chúng con đánh lễ dưới gót chân sen của người, hỡi đáng  
Bốn Sư Kim Cang Trì*

*Your compassion grants even the sphere of bliss*

\* །སྐྱ་གསུམ་གོ་འཕང་མཆག་གུང་སྐད་ཅིག་ལ།

*ku-sum g'o-p'ang ch'og-kyang kä-chig-la*

*Sắc thân châu báu của người tỏa ánh từ bi,  
the supreme state of the three kayas, in an instant*

ཕྱོད་མཇུག་སྒྲུབ་རིན་ཆེན་ལྷ་བུ་འོ།

tzöl-dzä la-ma rin-ch'en ta-b'ui-ku

*Ban cho chúng con Giác Ngộ Tối Thượng tức thời  
Guru with a jewel-like body,*

དོར་ཇེ་ཙན་ཙམ་པ་མུར་ཕུག་འཆོལ་ལོ།

dor-je chän-zhab pä-mor ch'ag-tsäl-lo

*Nhập vào Tam Thân, an trụ trong Đại Hỷ Lạc  
Vajra holder, at your lotus feet I prostrate*

19.

རབ་འབྱམས་ཀྱི་པ་ཀུན་གྱི་ཡེ་ཤེས་ནི།

rab-jam gyäl-wa kun-gy'i ye-she-ni

*Chúng con đánh lễ dưới chân người, hỡi đáng Thánh Trí  
Quy Y Hộ Pháp của muôn loài  
You are the wisdom-knowledge of all infinite Conquerors*

\* གང་དུལ་ཅིར་ཡང་འཆར་བའི་ཐབས་མཁས་མཆོག་།

g'ang-dul chir-yang ch'ar-wäi t'ab-kä-ch'og

*Người là Kim Cang Giác Ngộ Bồ Đề của vô lượng Phật  
appearing in any way that subdues*

འདྲ་སྤྱི་གཏོག་པའི་གར་གྱི་རྒྱུ་མཛོལ་བ།

M

ngur-mig dzin-päi g'ar-gy'i nam-röl-wa

*Hóa thân tỳ kheo mang áo cà sa vàng  
With supreme skilful means, you manifest as a saffron-robed monk*

སྐྱབས་མགོན་དམ་པའི་ཉལ་ལ་ཕུག་འཆོལ་ལོ།

kyab-gön d'am-päi zhab-la ch'ag-tsäl-lo

*Như là phương tiện thiện xảo để khế hợp cứu độ chúng đệ tử  
I prostrate at your feet holy Refuge Protector*

20.

ཉེས་ཀྱིན་བག་ཆགས་བཅས་པ་རྩུངས་ཕྱུང་ཞིང་།

nye-kön b'ag-ch'ag chä-pa dr'ung-ch'ung-zhing

*Chúng con đánh lễ dưới chân người, hồi đấng Bốn Sư  
tôn kính*

*You eliminated all faults and their instincts*

X  
M

པདག་མེད་ཡོན་ཏན་རིན་ཆེན་ཆོག་མཁས་གྱི་གཏེར།

pag-me yön-tän rin-ch'en tsog-kyi-ter

*Mãi mãi là nguồn phúc lợi và hỷ lạc duy nhất không ngoại lệ  
and are a treasury of infinite precious qualities*

པཎ་དབེ་མ་ལུས་འབྱུང་བའི་སྒོ་གཅིག་པུ།

pän-de ma-lu jung-wäi go-chig-pu

*Người giải trừ căn gốc mọi si làm và bản ngã  
Sole source of benefit and bliss without exception*

ཇེ་བཙུན་ལྷ་མའི་ཞབས་ལ་ཕྱག་འཆེལ་ལོ།

je-tzun la-mäi zhab-la ch'ag-tsäl-lo

*Là kho tàng muôn nghìn đức hạnh như châu báu.  
I prostrate at your feet venerable Guru*

21.

ལྷར་བཅས་སྟོན་པ་སངས་ཉམས་ཀྱིན་གྱི་དངོས་

lhar-chä tön-pa sang-gyä kun-gy'i-ngö

*Chúng con đánh lễ dưới chân người, hồi đấng Bốn Sư  
nhân từ rộng lượng*

*Teacher of gods and all, in nature all Buddhas*

X  
M

བ་ཉམས་ཀྱི་བཞི་སྟོན་དམ་ཆོས་འབྱུང་བའི་གནས།

gyä-tr'i zhi-tong d'am-ch'ö jung-wäi-nä

*Người là thực thể của chư Phật, là đấng Thiên Nhân Sư  
của muôn loài*

པ་ཤགས་ཚོགས་ཀུན་གྱི་དབུས་ན་ལྷང་ངེ་བ།

p'ag-tsog kun-gy'i u-na lhang-nge-wa

*Là nguồn suối của tám vạn bốn ngàn pháp môn thanh tịnh  
the source of 84,000 pure dharmas, you tower above the whole host of  
Aryas*

དྲིན་ཅན་སྤྲུམ་ཆུམས་ལ་ཕྱག་འཆིལ་ལོ།

dr'in-chän la-ma nam-la ch'ag-tsäl-lo

*Người siêu việt trên tất cả chư tôn Thánh Trí  
I prostrate to you kind Guru*

22.

དུས་གསུམ་ཕྱོགས་བཅུར་བཞུགས་པའི་སྤྲུམ་དང་།

d'u-sum ch'og-chur zhug-päi la-ma-d'ang

*Với tín tâm, tự tin và cả một biển lời tán thán  
To Gurus dwelling in the three times and ten directions*

འཇིག་ཆེན་མཆོག་གསུམ་ཕྱག་འོས་ཐམས་ཅད་ལ།

rin-ch'en ch'og-sum ch'ag-wö t'am-chä-la

*Hóa thành muôn vạn thân, nhiều như các nguyên tử trong  
vũ trụ*

*the three supreme Jewels and all worthy of homage*

དད་ཅིང་མིས་པས་བསྟོན་དབྱངས་རྒྱ་མཚོར་བཅས་།

d'ä-ching mö-pä tö-yang gya-tsor-chä

*Chúng con đánh lễ người, dâng Bốn Sư của ba đời và  
của mười phương*

*with faith, conviction and an ocean of lyric praise,*

ནིང་དུལ་མཉམ་པའི་ལས་སྒྲུལ་ཕྱག་འཆའ་ལོ།

zhing-dul nyam-päi lu-trul ch'ag-tsäl-lo

Và dâng lễ Tam Bảo Vô Thượng cùng các chư tôn Bồ Tát

Thánh Chúng

*I prostrate manifesting as many bodies as atoms of the world*

## IV. CÚNG DƯỠNG

### OFFERINGS

23.

M

སྐུབས་མགོན་ཇེ་བཅུན་སྤྱ་མ་འཁོར་བཅས་ལ།

kyab-gön je-tzun la-ma k'or-chä-la

Hỡi đáng Quy Y-Hộ Pháp của muôn loài, hỡi đáng Bốn Sư

tôn kính cùng Thánh Chúng,

*Refuge Protectors, venerable Gurus, together with your retinues*

སྤྱ་ཆོག་མཆོད་སྤྱིན་གྱི་མཆོད་འབུལ་བཞི།

na-tsog ch'ö-trin gya-tsor bul-wa-ni

Chúng con xin kính dâng biển mây phẩm vật cúng dường

*I present you oceans of clouds of various offerings*

24.

བོད་ལེགས་རིན་ཆེན་འོད་འབར་སྣོད་ཡངས་ལས།

kö-leg rin-ch'en wö-bar nö-yang-lä

Từ bình tịnh thủy tôn quý, đẹp và tỏa rạng hào quang

*From spacious, elegant vessels, radiant and precious*

B

M

དག་བྱེད་བདད་ཅི་རི་ཆུ་བཞི་དལ་གྱིས་འབབ།

d'ag-j'e du-tzi ch'u-zhi d'äl-gy'i-bab

Tuôn ra bốn dòng Cam Lộ thanh tịnh chảy êm ái

*flow gently forth four streams of purifying nectars*

25. རྫོང་པོ་སི་ལ་མ་བྲེང་བ་སྤྲེལ་ལེགས་པ་།

dong-po sil-ma tr'eng-wa pel-leg-pa

*Cây nở đầy hoa đẹp, vòng hoa, bó hoa*

*Flowering trees, garlands excellently arr*

མཛེས་པའི་མེ་ཏོག་ས་དང་བར་སྤྲང་གང་།

dze-päi me-tog sa-d'ang b'ar-nang-g'ang

*Trang nhã xếp đầy đất và trời*

*and beautiful flowers fill the earth and sky.*

26. ངི་ཞིམ་པོ་ཀྱི་དྲུ་པ་བེ་དུ་ཡི།

dr'i-zhim pö-kyi d'u-pa b'e-dur-yäi

*Mây xanh mùa hạ cuộn cuộn trên trời*

*Blue summer clouds of lapis smoke*

དབྱར་སྐྱེས་སྤྱོད་པའི་སྤྱོད་གྱིས་ལྷ་ལམ་འཕྲིགས་།

yar-kye ngön-pöi trin-gy'i lha-lam-tr'ig

*Khói lam tỏa từ hương trầm thơm ngát*

*from fragrant incense billow up to the highways of the gods.*

27. ཉི་ཟླ་ཁོར་བྱ་རབ་འབར་སྤྱོད་མེའི་ཚོགས་།

nyi-da nor-b'u rab-bar drön-mei-tsog

*Ánh mặt trời, ánh trăng rực rỡ như châu báu*

*Ánh đèn cúng dường nhảy múa vui mừng*

*Joyful dancing light from suns, moons, glittering jewel*

རྫོང་གསུམ་མུན་སེལ་འོད་ཟེར་ཅེ་དག་འཛོད་།

tong-sum mun-sel wö-zer tze-ga-gö

*Xua tan màn đen của muôn ức triệu thế giới*

*and flaming lamps dispels the billion worlds' darkness*

28.

ག་བུར་ཅན་དན་གུར་གུམ་དྲིས་བསྐྱོས་པའི།

g'a-b'ur tzän-dän g'ur-kum dr'i-gö-päi

*Nước thơm cúng dường nhiều như biển tỏa thơm lòng  
Scented water, imbued with fragrances of camphor*

སྤྱིས་ཆུའི་མཚོ་ཆེན་འཁོར་ཡུག་གུན་ནས་འབྱིལ།

pö-ch'ui tso-ch'en k'or-yug kun-nä-ky'il

*Mùi nghệ, trầm hương và long não cuộn cuộn tỏa ra tận  
chân trời*

*sandalwood and saffron, collects into great lake*

29.

རོ་བརྒྱའི་བུཅུད་ལྷན་བཟའ་བཅའ་བདུང་བ་དང་།

ro-gyăi chu-dän za-cha tung-wa-d'ang

*Phẩm vật và người thanh lịch, thức uống và các thức ăn  
ngon yến tiệc*

*Delicacies of gods and men, drink*

ལྷ་དང་མི་ཡི་ཞལ་བས་ལྷན་པོར་སྤྲུངས།

lha-d'ang mi-yi zhäl-zä lhun-por-pung

*Làm từ các thức trăm vị hương lấy từ núi Tu Di  
and nourishing food of a hundred flavours amass at Mt. Meru*

30.

སྒྲ་ཚོགས་རོལ་མོའི་བྲེ་བྲག་མཐའ་ཡས་ལས།

na-tsog röl-möi je-dr'ag t'a-yä-lä

*Nhã nhạc không ngừng từ bao nhạc cụ  
Music from an endless variety*



\* རྩུང་བའི་གདངས་སྒྲོན་འགྱུར་བས་ས་གསུམ་འགོངས།

j'ung wäi dang-nyän gyur-wä sa-sum-geng

*Âm điệu hòa hợp giao hưởng đến ba cõi  
of various instruments fills the three realms*

31. \* གཟུགས་སྒྲིའི་རོ་རེག་བྱའི་དཔལ་འཛིན་བའི།

zug-dra dr'i-ro reg-j'ai päl-dzin-päi

*Chư Thiên Nữ của phẩm vật ước nguyện (cúng dường)  
trong và ngoài*

*Goddesses of outer and inner desire objects, holding symbols of sight*

\* རྩུ་ནང་འདོད་ཡོན་ལྷ་མོས་ཐུགས་ཀྱན་ཁྱབ།

ch'i-nang dö-yön lha-mö ch'og-kun-ky'ab

*Biểu tượng gìn giữ Sắc Thanh Hương Vị Xúc tràn ngập  
muôn phương*

*(Dâng cúng Mạn Đà La)*

*sound, smell, taste and touch, pervade all directions*

32. བྱེ་བ་ཕྱག་བརྒྱའི་གླིང་བའི་ལྷན་པོར་བཅས།

j'e-wa tr'ag-gyäi ling-zhi lhun-por-chä

*Chúng con kính dâng đấng Quy Y-Hộ Pháp của muôn loài  
tất cả châu báu của Từ Bi*

*Refuge-Protectors, Treasures of compassion, eminent and supreme field of  
merit*

རིན་ཆེན་བདུན་དང་ཉེ་བའི་རིན་ཆེན་སྟོན་པ།

rin-ch'en dun-d'ang nye-wäi rin-ch'en-sog

*Chúng con kính dâng người ruộng Công Đức tối hảo tối  
thượng với tín tâm thanh tịnh*

*with pure faith I present to you a billion times over, Mt Meru*

ཀུན་དགའ་བསྐྱེད་པའི་སྣོད་བཅུད་ཕུན་སུམ་ཚེགས།

kun-ga kye-päi nö-chu p'un-sum-tsog

*Núi Tu Di với bốn đại lục hằng muôn ức tỷ lần  
and the four continents, the seven precious royal emblems*

ལྷ་མིའི་ལོངས་སྤྱོད་འདོད་དགའི་གཏེར་ཆེན་པོ།

lha-mii long-chö dö-gui ter-ch'en-po

*Bảy biểu tượng tôn quý của hoàng gia, các biểu tượng tôn  
quý phụ và nhiều phẩm vật khác  
the precious minor symbols and mo*

འང་བའི་སེམས་ཀྱིས་ཕུལ་བྱུང་ཞིང་གི་མཆོག།

d'ang-wäi sem-kyi p'ul-jung zhing-g'i-ch'og

*Là cảnh giới kỳ diệu Mạn Đà La cùng các chư Phật an trú  
bên trong  
perfectly delightful environments and their beings*

སྐྱབས་མགོན་ཐུགས་རྗེའི་གཏེར་ལ་དབུལ་བར་བསྒྲི།

kyab-gön t'ug-jei ter-la bul-war-gyi

*Và đại kho tàng đầy nguyện ước và châu báu của chư Thiên  
Nhân  
and a great treasure of all that gods and humans use or desire*

33. དངོས་བཤམས་ཡིད་སྤྱུལ་ཡིད་བཞིན་རྒྱ་མཚོའི་ངོགས།

ngö-sham yi-trul yi-zhin gya-tsöi-ngog

*Để vui lòng đáng Bốn Sư tôn kính, chúng con kính dâng  
những phẩm vật an bày và những phẩm vật quán tưởng  
To please you, venerable Gurus*

།སྤྱི་ཞི་རི་རྒྱལ་དཀར་ལས་འོངས་མཚོད་ཇུས་གྱི།

si-zhii nam-kar lä-wong ch'ö-dzä-kyi

*Như lùm cây an lạc trên bờ của biển Như Ý Nguyên:*

*I offer objects actually set out*

།འདབ་སྒྲོང་རྒྱས་པས་ཀུན་གྱི་ཡིད་འཕྲོག་ཅིང་།

dab-tong gyä-pä kun-gyi yi-tr'og-ching

*Trải bày với nhiều hoa sen ngàn cánh, chiếm trọn trái tim  
của chúng sinh hữu tình*

*and a vision of a pleasure grove on the shore of a wish-granting sea*

།འཇིག་རྟེན་འཇིག་རྟེན་ལས་འདས་རང་གཞན་གྱི།

jig-ten jig-ten lä-dä rang-zhän-gy'i

*Là những phẩm vật cúng dường lấy từ công đức của cõi  
ta bà và cõi Niết Bàn*

*strewn with thousand-petalled lotuses that captivate all minds*

།སྒྲོག་སུམ་དག་བའི་མེ་ཏོག་ཅི་ཡང་བཟ།

go-sum ge-wäi me-tog chi-yang-tra

*Nơi nơi phủ đầy hoa - chính là công đức vô lượng*

*They are offerings arising from samsara and nirvana's virtues*

།ཀུན་བཟང་མཚོད་པའི་དྲི་བསུང་འབྲུམ་འཕྲོ་ཞིང་།།

kun-zang ch'ö-päi dr'i-sung bum-tr'o zhing

*Của Ba Cửa Ngõ của chúng đệ tử và mọi hữu tình trong  
thế giới này và các cảnh giới trên*

*Everywhere are flowers of the worldly and supramundane virtues*

བསྐྱབ་གསུམ་རིམ་གཉིས་ལམ་ལྟའི་འབྲས་ལྟན་པའི།

lab-sum rim-nyi lam-ngäi drä-dän-päi

*Tỏa đầy muôn vàn hương thơm của các phẩm vật cúng*

*đường Phổ Hiền Bồ Tát*

*of the three doors of myself and others, and myriad fragrant*

*Samantabhadra offerings*

།དགའ་ཚལ་རྩེ་བཅུན་སྒྲ་མ་མཉེས་ཕྱིར་འབུལ།

ga-tsäl je-tzun la-ma nye-ch'ir-bul

*Trữ nặng trái quả-tam học, hai giai đoạn và năm đạo lộ*

*It is laden with fruits of the three trainings, two stages and five paths*

34.

གུར་གུམ་མདངས་ལྟན་བཟང་པོའི་བྱི་དང་ཅན།

g'ur-kum dang-dän zäng-pöi dr'i-ngä-chän

*Chúng con xin cúng dường, rưới trà thơm vàng như nghệ*

*I offer a libation of China tea, saffron bright*

།རོ་བ་ལྗེ་དཔལ་འཛིན་ལྗེ་ཇའི་བདུང་བ་དང་།

ro-gyäi päi-dzin gya-j'ai tung-wa-d'ang

*Ướp thơm trăm vị huy hoàng với tràng hoa thanh nhã*

*delicately perfumed, rich with a hundred flavour*

།ཕྱགས་ཀྱི་ལྟ་དང་སྒྲོན་མ་ལྟ་ལ་སྐྱགས།

chag-kyu nga-d'ang dr'on-ma nga-la-sog

*Đây, ngũ câu, ngũ đăng và mọi thức*

*The five hooks, five lamps and so forth are purified,*

།སྒྲུངས་རྟོགས་སྒྲར་བའི་བདུད་རྩི་ལྗེ་མཆོས་མཆོད།

jang-tog bar-wäi du-tzii gya-ts'ö-ch'ö

*Đều thanh tịnh hóa, chuyển hóa và tăng trưởng thành biển*

*nước Cam Lộ*

*transformed and increased into an ocean of nectar.*

35. ཡིད་འོང་ལང་ཚོའི་དཔལ་འཛིན་སྤྱག་ཅུ་བཞིའི།

yi-wong lang-tsöl päi-dzin dr'ug-chu-zhii

*Chúng con kính dâng lên người cả những Phật mẫu như*

*ảo điểm kiều, chủ tể các sứ giả Thiên Nữ*

*I offer even illusion-like consorts of youthful*

།འདོད་པའི་སྤྱུ་རྩལ་ལ་མཁས་ལུས་ལྷ་མ།

dö päi gyu-tzäl la-k'ä lu-tr'a-ma

*Sinh trong cảnh giới Phật, từ chú nguyện và sinh cùng lúc*  
*slender and skilled in the 64 arts of love;*

།ཞིང་སྤྱོད་སྤྱག་སྤྱོད་སྤྱོད་སྤྱོད་ཅུའི་ཚོགས།

zhing-kye ngag-kye lhän-ye p'o-nyäi-tsog

*Với khuôn mặt mảnh dẻ, tỏa rạng ánh sinh lực trẻ*  
*a host of beautiful messenger dakinis; field-born,*

།མཛེས་སྤྱག་སྤྱུ་མའི་སྤྱག་རྒྱུ་མས་ཀྱང་འབྲུལ།

dze-dug gyu-mäi ch'ag-gya nam-kyang bul

*Và tinh tường 64 nghệ thuật tình yêu*

*mantra-born and simultaneously-born.*

36. སྤྱི་བ་བྲལ་ལྷན་སྤྱོད་བདེ་བའི་ཡེ་ཤེས་ཆེ།

drib-dr'äl lhän-kye de-wäi ye-she-ch'e

*Chúng con kính dâng lên người Bồ Đề Tâm tối thượng*

*Unobstructed great wisdom simultaneous with bliss,*

།ཆོས་ཀྱན་རང་བཞིན་སྤྱོད་དང་བྲལ་བའི་དབྱིངས།

ch'ö-kun rang-zhin trö-d'ang dr'äl-wäi-ying

*Không thể nghĩ bàn, vượt khỏi ngôn từ, tự nhiên và không*  
*phân lìa*

*the sphere of the actual unelaborated nature of all things*

ཁྱེད་མེད་ལྷན་གྱི་བསམ་བཞིན་ལས་འདས།

yer-me lhun-dr'ub ma-sam jö-lä-dä

*Vũ trụ tánh không của mọi sự vật, như như và giải thoát  
khỏi mọi tà kiến;*

*spontaneous and indivisible, beyond thought and expression*

དོན་དམ་བྱང་ཆུབ་སེམས་མཆོག་གི་ཁྱོད་ལ་འབུལ།

d'ön-d'am j'ang-ch'ub sem-ch'og ky'ö-la-bul

*Kim Cang Bồ Đề không ngăn ngại đồng thời với Hỷ Lạc  
supreme ultimate Bodhicitta, I offer to you.*

37. ཁྱོད་མིངས་བཞི་བརྒྱ་རྩ་བཞི་འི་ནད་འཛིམས་པའི།

nyön-mong zhi-gya sza-zhii nä-jom-päi

*Chúng con kính dâng lên người tất cả những loại thần y  
diệu được*

*To cure the 404 affliction-caused diseases*

ཁབ་པོའི་སྒྲིག་གྱི་བྱེ་བྲག་སྒྲ་ཆོགས་དང་།

zang-pöi män-gy'i j'e-dr'ag na-tsog-d'ang

*Để điều trị những bệnh trăm kha gây ra từ Bốn trăm nỗi  
khổ đau phiền não*

*I offer all kinds of potent medicines,*

ཁྱོད་མཉེས་བགྱིད་ཕྱིར་བདག་བྲན་འབུལ་ལགས་ན།

kyö-nye gy'i ch'ir dag drän bul lag na

*Và với lòng tôn kính, chúng con kính dâng lên người thân  
mình để phụng sự và làm vui lòng người,  
and I offer myself as a servant to please you.*

ཀམ་མཁའི་ཇི་སྲིད་འབངས་སུ་བཟུང་དུ་གསོལ།།

nam-k'a j'i-si bang-su zung-d'u-söl

*Xin nguyện cầu Đức Bốn Sư giữ chúng con lại để phụng  
sự người mãi mãi khi trời đất còn tồn tại.*

*Pray keep me in your service as long as space endures.*

## V. SÁM HỐI THẤT CHI NGUYỆN SEVEN-LIMBED PRAYER

38. བློག་མེད་དུས་ནས་མི་དག་སྤྲིག་པའི་ལས།།

t'og-me d'u-nä mi-ge dig pä-lä

*Trước từ nhãn của đấng Vô lượng Từ Bi  
Before the eyes of those having great compassion*

ཁགྲིས་དང་བགྲིད་བསྐྱེལ་ཡི་རང་ཅི་མཆིས་པ།

gyi-d'ang gyi-tzul yi-rang chi-ch'i-pa

*Chúng con sám hối chân thành  
I confess with regret and vow never to commit again,*

ཐུགས་རྗེ་ཆེ་ལྷན་སྒྱུན་སྤར་འགྲོད་སེམས་ཀྱིས།

t'ug-je ch'e-dän chän-ngar gyö sem-kyi

*Đã tạo những nghiệp xấu, gây họa*

*Mà chúng con đã tạo tác từ vô thủy kiếp*

*whatever non-virtuous and evil actions I have done since beginningless  
time,*

ཁགྲིས་ཤིང་སྤྲོད་ཆད་མི་བགྲིད་སྤྲོམ་པ་ནོད།

shag-shing län-ch'ä mi-gyi dom-pa-nö

*Hoặc xúi dục người khác gây ra với lòng vui sướng*

*Chúng con thệ nguyện không bao giờ tái phạm*

*caused others to do, or in which I have rejoiced*

39.

ཚོས་རྣམས་རང་བཞིན་མཚན་མ་དང་བྲལ་ཡང་།

ch'ö-nam rang-zhin tsän-ma d'ang dr'äl yang  
*Dù mọi sự vật đều như mộng ảo, không có tự tánh và không  
 tự hiện hữu*  
*Though all things are like a dream,*

མི་ལམ་ཇི་བཞིན་སྐྱེ་འཕགས་ཐམས་ཅད་ཀྱི།

mi-lam j'i-zhin kye-p'ag t'am-chä kyi  
*Chúng con thực lòng hoan hỉ trong niềm phúc lạc  
 lacking inherent existence,*

ཁད་དག་ཅིར་ཡང་འཆར་བའི་རྣམ་དཀར་ལ།

de ga chir yang ch'ar-wäi nam-kar la  
*Và hỷ lạc của hai giới hữu tình: các bậc Thánh Trí và  
 phàm nhân*  
*I sincerely rejoice in the bliss and joy of all Aryas and ordinary beings*

ཁད་ག་ཅག་བསམ་པ་ཐག་པས་ཡི་རང་དོ།

dag chag sam-pa t'ag-pä yi-rang-ngo  
*Và hoan hỉ tất cả thiện nghiệp từ đó phát sinh  
 and in every virtue that has ever arisen.*

40.

ཕུལ་བྱུང་མཐུན་བརྩེ་ཆུ་འཛིན་འབྲུམ་དགྱིགས་ཏེ།

p'ul-j'ung ky'en-tze ch'u-dzin bum-trig-te  
*Chúng con nguyện xin mưa Pháp cao sâu rải xuống*  
*Please let fall a rain of profound and extensive Dharma*

མཐུར་ཡས་འགྲོ་འདིའི་ཕན་བདེ་ཀུན་དའི་ཚལ།

t'a-yä dro-dii p'än-de kun-d'äi-tsäl  
*Từ trăm đám mây cuồn cuộn trí huệ từ bi nhiệm mầu*  
*from a hundred thousand billowing clouds of nectar of*



ཁ་སྐྱོད་དང་ཡུན་དུ་གནས་དང་སྤེལ་བའི་ཕྱིར།

kye-d'ang yun-d'u nä-d'ang pel-wäi-ch'ir

*Nuôi dưỡng, duy trì và tăng trưởng vườn hoa nguyệt cúc  
perfect wisdom and compassion to nurture, sustain and propagate*

ཁབ་རྒྱས་ཚེས་ཀྱི་ཆར་པ་དབབ་ཏུ་གསོལ།

zab-gyä ch'ö-kyi ch'ar-pa-bab-su-söl

*Mang phúc lạc cho vô lượng vô số chúng sinh hữu tình  
a garden of moon flowers for the benefit and bliss of all limitless  
beings.*

41. འོ་རྩེ་རི་སྐྱུ་ལ་སྐྱེ་འཆི་མི་མངའ་ཡང་།

dor-jei ku-la kye-ch'I mi-nga-yang

*Dù sắc thân Kim Cang của người chẳng sinh chẳng diệt  
Though your vajra body is subject to neither birth nor death*

ཟུང་རྩུག་དབང་གི་རྒྱལ་པོའི་བཟའ་ཏོག་།

zung-jug wang-g'I gyäl-pöi za-ma-tog

*Là cỗ xe chuyên chở ngọc Như Ý Hợp Nhất  
but is a vessel of the mighty king, unification,*

ཁད་གཤམ་མོས་པ་ཇི་བཞིན་སྲིད་མཐའི་བར་།

dag-chag mö-pa j'I-zhin si-t'äi-b'ar

*Xin đức Bốn Sư mãi mãi ở cùng chúng con và nhận lời  
kỳ nguyện:*

*please abide forever according to our wishes,*

མྱ་ངན་མི་འདར་རྟག་པར་བཞུགས་སུ་གསོལ།

nya-ngän me-da tag-par zhug-su-söl

*Xin đức Bốn Sư trụ thế cứu khổ độ sinh đến khi cõi ta  
bà chấm dứt*

*not passing beyond sorrow until samsara ends*

42.

།དེ་ལྟར་བསྐྱེད་པའི་རྣམ་དཀར་དགེ་བའི་ཚོགས།

d'e-tar trun-päi nam-kar ge-wäi-tsog

*Đệ tử xin hồi hướng mọi công đức tu tập nếu có chút nào  
I dedicate the mass of white virtues thus created*

།འགྲུབ་རྒྱུ་གསུམ་ལྟན་ཇི་བཅུན་སྤྱོད་མ་ཡིས།

ka-dr'in sum-dän je-tzun la-ma-yi

*Và xin được luôn luôn hộ trì qua đời đời kiếp kiếp  
so that we may be inseparably cared*

།ཚེ་རབ་ཀུན་ཏུ་འབྲུལ་མེད་རྣམ་འཛིན་ཅིང།

tse-rab kun-tu dräl-me je-dzin-ching

*Bởi Đức Bốn Sư với ba hảo tâm  
for in all lives by venerable Gurus*

།ཟུང་འཇུག་རྟོ་རྟེ་འཆང་དབང་ཐོབ་ཕྱིར་བསྟོ།

zung-jug dor-je ch'ang-wang t'ob-ch'ir-ngo

*Và chúng con xin nguyện đạt đến Giác Ngộ Hợp Nhất  
Kim Cang Tri  
kind in three ways, and so attain the unified state of Vajradhara*

## VI. KỲ NGUYỆN REQUESTS

43.

ཡོན་ཏན་འབྱུང་གནས་ཚུལ་ཁྲིམས་རྒྱལ་ཚོ་ཆེ།

yön-tän jung-nä tsul-tr'im gya-tso-ch'e

*Chúng con kỳ nguyện nơi người, Bạc Luật Sư Pháp  
Vương  
Source of virtue, great ocean of moral discipline*

|མང་བོ་ནོར་བུ་རི་ཚོགས་ཀྱིས་ཡོངས་སུ་གཏམས།

mang-t'ö nor-b'ui tsog-kyi yong-su-tam

*Đấng Thiên Nhân Sư, là chư Phật trong y cà sa  
treasury brimming with the jewels of much hearing,*

|ངུར་མྱིག་འཛིན་པ་བྱུང་དབང་གཉིས་པའི་ཇེ།

ngur-mig dzin-pa t'ub-wang nyi-päi-je

*Người mang kho tàng châu báu của bậc đại quán âm  
Master, Second Buddha clad in saffron*

|གནས་བརྟན་འདུལ་བ་འཛིན་ལ་གསོལ་བ་འདེབས།

nä-tän dul-wa dzin-la söl wa-deb

*Là nguồn đức hạnh tuyệt hảo, là biển vô bờ của giới hạnh  
Elder, Vinaya-holder, I make request to you*

44.

|གང་དང་ལྔ་ན་བདེ་བར་གཤེགས་པའི་ལམ།

g'ang-d'ang dân-na de-war sheg-päi-lam

*Chúng con kỳ nguyện nơi người, Đức Bốn Sư Đại Thừa,  
Bậc Pháp Vương*

*You have the ten qualities suitable for one*

|སྟོན་པར་འོས་པའི་ཡོན་ཏན་བཅུ་ལྔ་པ།

tön-par wö-päi yön-tän chu-dan-pa

*Người biểu trưng cho toàn Chư Phật Thù Thắng  
to teach the path of Those Gone to Bliss*

|མ་ལུས་རྒྱལ་བའི་གདུང་འཚོ་བཅོས་ཀྱི་ཇེ།

ma-lu gyäl-wäi dung-tsob ch'ö-kyi-je

*Và có đủ mười đức hạnh làm bậc Thiên Nhân Sư  
Lord of Dharma, representing all Conquerors*

ཤེག་མཚན་དག་བའི་བཤེས་ལ་གསོལ་བ་འདེབས།

t'eg-ch'og ge-wäi she-la söl-wa-deb

*Dùu dất chúng sinh đệ tử theo chân chư Phật trên con*

*đường đạo*

*Mahayana Guru, I make request to you*

45. གསུམ་ལེགས་བསྐྱམས་སྟོ་ཚན་བཟོད་ལྡན་དང་།

go-sum leg-dam lo-ch'en zö-dän-dr'ang

*Chúng con kỳ nguyện nơi người, Đấng Kim Cang Trì*

*thường tại:*

*With your three doors well-subdued, you are wise, patient, honest*

ལཱོ་དང་རྒྱ་མེད་སྤྲུགས་དང་རྒྱུད་ཤེས་ཤིང་།

yo-d'ang gyu-me ngag-d'ang gyu-she-shing

*Người là bậc Đạo Sư tinh thông thuyết giảng và trước tác*

*without pretense or guile. You know Tantra and rituals,*

དེ་ཉིད་བཅུ་བྱུང་གི་དང་འཆད་མཁས་པའི།

d'e-nyi chu-zung dr'i-d'ang ch'ä-k'ä-päi

*Bao gồm cả hai bộ thập đức hạnh*

*Và uyên bác Mật tông cùng các lễ nghi*

*are skilled in drawing and explaining and endowed with both sets of ten qualities*

དོན་ཇི་འཛིན་པའི་གཙོ་ལ་གསོལ་བ་འདེབས།

dor-je dzin-päi tzo-la söl-wa-deb

*Là bậc tôn kính, không tự khoe, không lừa dối*

*Kiên nhẫn, khoáng đạt, với tam nghiệp toàn thanh tịnh*

*I make request to you, foremost Vajraholder*

46. སངས་རྒྱལ་གྲངས་མེད་བློན་པས་མ་བྱལ་བའི།

sang-gyã dr'ang-me j'ön-pä ma-t'ul-wäi

*Chúng con kỳ nguyện nơi người, Đấng Từ Bi Che Chở-  
Hộ Trì*

*Người hoằng hóa toàn hảo Chánh Pháp của chư Phật  
Đại Hỷ Lạc*

*To those untamed by countless past Buddhas*

མ་རུངས་འདུལ་དཀའི་སློགས་དུས་འགྲོ་བ་ལ།

ma-rung dul-käi nyig-d'u dro-wa-la

*Cho chúng đệ tử ngỗ nghịch của thời mạt pháp  
the unruly migrators of this degenerate age who are difficult to  
subdue,*

ཁད་གཤེགས་ལམ་བཟང་ཇི་བཞིན་སྟོན་པ་ཡི།

de-sheg lam-zang j'i-zhin tön-pa-yi

*Khó kiểm chế và không thuần hóa*

*You show unmistakably the good way of Those Gone to Bliss.*

སྐྱབས་མགོན་ཐུགས་རྗེ་ཅན་ལ་གསོལ་བ་འདེབས།

kyab-gön t'ug-je chän-la söl-wa-deb

*Qua vô lượng thời chư Phật quá khứ*

*I make request to you compassionate Refuge Protector.*

47. ལྷུབ་པའི་ཉི་མ་དུས་ཀྱིས་རྒྱབ་གྱུར་ཏེ།

t'ub-päi nyi-ma d'u-kyi nub-gyur-te

*Chúng con kỳ nguyện nơi người, Đấng Từ Bi Che Chở-Hộ  
Trì*

*At this time when the sun-like Teachings of the Sage are setting*

|མགོན་སྐབས་མེད་པའི་འགྲོ་བ་མང་པོ་ལ།

gön-kyab me-päi dro-wa mang-po-la

*Người là hiện thân hành động của Chư Phật Thù Thắng  
you enact the deeds of a Conqueror*

|རྒྱལ་བའི་མཛད་པ་ཉི་བར་སྐབས་མཛད་པའི།

gyäl-wäi dzä-pa nye-war drub-dzä-päi

*Che chở độ trì cho muôn chúng sinh không nơi nương tựa  
for the many beings who lack a Protector Refuge*

|སྐབས་མགོན་ཐུགས་རྗེ་ཅན་ལ་གསེལ་བ་འདེབས།

kyab-gön t'ug-je chän-la söl-wa-deb

*Trong đời mật pháp này, khi Giáo Pháp chói sáng như mặt  
trời của Chư Tôn Đức cũng bắt đầu ngã bóng  
I make request to you compassionate Refuge Protector*

48.

|དུས་གསུམ་སྤྱི་གསུམ་བཅུའི་རྒྱལ་བ་ཐམས་ཅད་ལས།

d'u-sum ch'og-chui gyäl-wa tam-chä-lä

*Chúng con kỳ nguyện nơi người, Đấng Từ Bi Che Chở-  
Hộ Trì*

*Even one of your hair-pores is for us*

|གང་གི་བ་སྤྱི་བུ་ག་གཅིག་ཙམ་ཡང་།

g'ang-g'i b'a-pui b'u-g'a chig-tzam-yang

*Chỉ một sợi lông từ lỗ chân lông của người  
a field of merit more highly praised than*

|བདག་ཅག་བསོད་ནམས་ཞིང་དུ་ལེགས་བསྐྱུགས་པའི།

dag-chag sö-nam zhing-d'u leg-ngag-päi

*Cũng là muôn ngàn công đức thù thắng với chúng con  
all the Conquerors of three times and ten directions*

|སྐྱབས་མགོན་ཐུགས་རྩེ་ཅན་ལ་གསོལ་བ་འདེབས།

kyab-gön t'ug-je chän-la söl-wa-deb

*Thù thẳng và tán thán hơn tất cả chư Phật trong ba đời và trong mười phương*

*I make request to you compassionate Refuge Protector*

49.

|འདེག་ཤེགས་སྐུ་གསུམ་རྒྱན་གྱི་འཁོར་ལོ་ནི།

de-sheg ku-sum gyän-gy'i k'or-lo-ni

*Chúng con kỳ nguyện nơi người, Đấng Từ Bi Che Chở Hộ Trì*

*Adorned with a Sugata's three bodies,*

|ཐབས་མཁས་སྐུ་འཕྲུལ་དྲ་བའི་འཛོལ་གསལ།

t'ab-k'ä gyu-tr'ul dr'a-wäi jo-geg-lä

*Từ bức rèm phức tạp của phương tiện thiện xảo và ảo hóa you manifest from an alluring net*

|ཐ་མལ་ཚུལ་གྱིས་འགྲོ་བ་འདྲེན་མཛད་པ་ནི།

t'a-mäl tsul-gy'i dro-wa dren-dzä-päi

*Chiếu rạng Tam Thân chư Phật Đại Hỷ Lạc of skilful means in ordinary form to lead all beings*

|སྐྱབས་མགོན་ཐུགས་རྩེ་ཅན་ལ་གསོལ་བ་འདེབས།

kyab-gön t'ug-je chän-la söl-wa-deb

*Hiện thân dưới dạng phàm nhân để dìu dắt muôn chúng sinh*

*I make request to you compassionate Refuge Protector*

50. །ཁྱེད་གྱི་སྤྱད་ཁམས་སྒྲིམ་ཆེད་ཡན་ལག་རྣམས་།

ky'ö-kyi pung-k'am kye-ch'e yän-lag-nam

*Chúng con kỳ nguyện nơi người, Đấng Bốn Sư Tối Thượng  
Your aggregates, elements, sense bases*

།བདེ་ག་ཤེགས་རིགས་ལྷ་ཡབ་ཡུམ་སེམས་དཔའ་དང་།

de-sheg rig-nga yab-yum sem-pa-d'ang

*Là tinh túy của Tam Bảo và của Quy Y*

*Ngũ Uẩn, tứ đại, lục căn và tứ chi của người  
and limbs are in nature the Sugatas of the five families*

།ཁྱོད་ཀྱི་དབང་པོ་འི་རང་བཞིན་མཚོག་གསུམ་གྱི།

tr'o-wöi wang-poi rang-zhin ch'og-sum-gy'i

*Tự bốn tánh là cha, mẹ, và là các Bồ Tát nam nữ,  
and their Consorts, bodhisattvas and wrathful protectors*

།བདག་ཉིད་སྤྲུམ་མཚོག་ལ་གསོལ་བ་འདེབས།

dag-nyi la-ma ch'og-la söl-wa-deb

*Và là các Hộ Pháp phần nộ của Ngũ Gia Phật*

*Supreme Guru, essence of the Three Jewels, I make request to you*

51. །ཀུན་མཁྱེན་ཡེ་ཤེས་རྩལ་པ་ལས་བྱུང་བའི།

kun-ky'en ye-she röl-pa lä-j'ung-wä

*Chúng con kỳ nguyện nơi người, Đấng Hộ Pháp Uyên  
Nguyên Hợp Nhất*

*Arising from the play of omniscient pristine awar*



kyil-k'or k'or-lo j'e-wäi dag-nyi-d'e

*you are the essence of ten million mandala cycles*

rig-gyäi ky'ab-dag dor-je dzin-päi-tzo

*Phơi bày Toàn Trí Kim Cang Giác Ngộ*  
*Pervading Lord of a hundred Buddha families, foremost Vajraholder*

zung-jug d'ang-pöi gön-la söl-wa-deb

*Người là tinh tú của ức triệu vòng Mạn Đà La.*  
*Protector of Initial Unification: I make request to you*

drib-me lhän kye ga-wäi röl-pa-d'ang

*Chúng con kỳ nguyện nơi người, Đấng Thuần Khiết Phổ*

*Hiền, là Bồ Đề Tâm rất ráo hiện thực.*

*Unobscured, inseparable from the play of simultaneous bliss,*

yer-me tän-yo kun-ky'ab kun-gyi-dag

*Vô thi, vô chung*

pervading everything in motion and at rest

t'og-ma t'a-dr'äl kun-zang d'ön-d'am-gy'i

*Là chân tánh của mọi sự vật, thâm nhập mọi sự dù đông*

hay tĩnh

*the nature of all things, free from beginning or end*

།བྱང་ཆུབ་སེམས་དངོས་སྒྱུད་ལ་གསོལ་བ་འདེབས།

j'ang-ch'ub sem-ngö ky'ö-la söl-wa-deb

*Chẳng lìa Hỷ Lạc đồng thời và không ngăn ngại.*

*Samantabhadra, actual ultimate Bodhicitta; I make request to you*

53.

སྒྱུད་ནི་བླ་མ་སྒྱུད་ནི་ཡི་དམ་

ky'ö-ni la-ma ky'ö-ni yi-d'am

*Người là Đức Bốn Sư, là Đức Phật, là chư Thiên Nữ và là*

*Đấng Hộ Pháp của chúng con*

*You are my Guru, you are my Yidam,*

སྒྱུད་ནི་མཁའ་འགྲོ་ཚས་སྒྱུར་སྟེ།

ky'ö-ni k'a-dro ch'ö-kyung-te

*Từ bây giờ trở đi cho đến khi đạt đến Phật quả, chúng*

*con xin nguyện chỉ quy y riêng nơi người.*

*you are the dakinis and Dharma protect*

།དང་ནས་བཟུང་སྟེ་བྱང་ཆུབ་བར་དུ་

deng-nä zung-te j'ang-ch'ub b'ar-d'u

*Trong đời này, trong cõi trung ấm và tất cả mọi đời sau,*

*From now until enlightenment I shall seek no other refuge than you.*

སྒྱུད་མིན་སྐྱབས་གཞན་མི་འཚོལ་བས།

ky'ö-min kyab-zhän mi-tzöl-wä

*Xin cứu vớt chúng con với móc câu từ bi*

*In this life, the bardo and all future lives*

།འདི་དང་བར་དོ་ཕྱི་མའི་མཐར་ཡང་

di-d'ang b'ar-d'o ch'i-mä t'ar-yang

*Xin giải thoát chúng con ra khỏi nỗi sợ của luân hồi sinh tử*

*và của Niết Bàn, xin cho chúng con đạt Toàn Giác,*

*hold me with your hook of compassion*

ཐུགས་རྗེའི་ལྷགས་ཀྱིས་བཟུང་མཛོད་ལ།

t'ug-je chag-kyu zung-dzö-la  
*free me from samsara and nirvana's fears*

།སྲིད་ཞིའི་འཇིགས་སྒྲོལ་དངོས་གྲུབ་ཀྱི་སྒྲུབ་ལ།

si-zhi jig-dröl ngö-dr'ub kun-tzöl  
*grant all attainments*

རྟོག་གྱི་གྲོགས་མཛོད་བར་གཙོད་སྤངས།

tän-gy'i dr'og-dzö b'ar-chö-sung (3x)

*Xin mãi mãi là Thiện Tri Thức và hộ trì chúng con  
không bị nghiệp chướng ngăn che  
be my constant friend and guard me from interferences.*

54. དེ་ལྟར་ལན་གསུམ་གསོལ་བ་བཏབ་པའི་མཐུས།

d'e-tar län-sum söl-wa tab-pä-t'u

*Nhờ nguyện lực cầu xin như vậy ba lần  
By the force of having thus requested three times,*

།ལྷ་མའི་སྒྲུབ་གསུང་ཐུགས་གྱི་གནས་རྣམས་ལས།

la-mäi ku-sung tug-kyi nä-nam-lä

*Cam Lộ và tia sáng - trắng, đỏ và xanh đậm -  
nectar and light rays, white, red and dark blue,*

།བདུད་རྩི་འོད་ཟེར་དཀར་དམར་མཐིང་ག་གསུམ།

du-tzi wö-zer kar-mar t'ing-g'a-sum

*Chảy thẳng từ các trung tâm của Đức Bốn Sư, Thân,  
Khẩu, Ý vào chúng con*

*Từng thứ một và hòa chung tất cả.*

*stream forth from the places of my Guru's Body, Speech and Mind,*

འིམ་དང་ཅིག་ཅར་བྱུང་ནས་བདག་ཉིད་གྱི།

rim-d'ang chig-char j'ung-nä dag-nyi-kyi

*Tất cả hoà nhập vào trong ba trung tâm của chúng con,  
and dissolve into my own three places one by one and altogether.*

ལག་ནས་གསུམ་འིམ་དང་ཅིག་ཅར་བེམ་པ་ལས།

nä-sum rim-d'ang chig-char t'im-pa-lä

*Từng thứ và hòa chung. Bốn chướng ngại tiêu trừ,  
The four obstacles are purged, the four pure empowerments*

ཐྲིབ་བཞི་དག་ཅིང་རྣམ་དག་དབང་བཞི་ཐོབ།

drib-zhi d'ag-ching nam-dag wang-zhi-t'ob

*Bốn trợ lực thanh tịnh gieo trồng trong chúng con  
and seeds of the four kayas are received.*

ལྷ་བཞི་ཐོབ་ཅིང་སྤྲུམ་གཉིས་པ་ཞིག།

ku-zhi t'ob-ching la-ma nyi-pa-zhig

*Và chúng con thọ nhận chủng tử của Tứ Thân,  
A replica of the Guru happily disso*

འདྲེས་བཞིན་བེམ་པས་བྱིན་གྱིས་བརྒྱབ་པར་གྱུར།

gye-zhin t'im-pä j'in-gyi lab-par-gy'ur

*Hóa thân mỉm cười của Đức Bốn Sư hòa nhập vào chúng con  
Và chúng con cảm ứng được linh cảm hộ trì.  
into me and I am blessed with inspiration.*

p 71

section 84

## VII. CÚNG DƯỜNG TSOG

### TSOG OFFERINGS

(Khi làm lễ cúng dường Tsoq vào những ngày 10 và 25 âm lịch (ngày Thiên Nữ), thì mới tụng các đoạn sau đây, nếu không sang thẳng đoạn 84)

55. ཨོཾ་ཨུཾ་ཧུཾ་

OM AH HUM (3x).

ངོ་བོ་ཡེ་ཤེས་ལ་རྣམ་པ་ནང་མཆོད་དང་མཆོད་ཇུས་སོ་སོའི།

ngo-wo ye-she-la nam-pa nang-ch'ö-d'ang ch'ö-dzä so-söi

Mây thanh tịnh của sự cúng dường bên ngoài, bên trong và bí mật

Pure clouds of outer, inner and secret offerings,

རྣམ་པ་བྱེད་ལས་དབང་པོ་དུག་གི་སྤྱོད་ཡུལ་དུ་བདེ་སྤྱོད་གི།

nam-pa j'e-lä wang-po dr'ug-g'i chö-yul-d'u de-tong-g'i

Những đối tượng kết gần chúng ta lại và trong phạm trù quán tưởng

and fields of vision pervade the reaches of space, earth and sky,

ཡེ་ཤེས་ཁྱད་པར་ཅན་སྤྱོད་པས་ས་དང་བར་སྤྱོད་

ye-she ky'ä-par-chän kye-pä sa-d'ang b'ar nang

Tràn ngập tận cùng không gian, đất và trời

Trải rộng tột cùng rốt ráo bất khả tư nghĩ

spreading out inconceivably. In essence wisdom-knowledge

རྣམ་མཁའི་བྱིན་མཆས་ཅད་ཡོངས་སུ་བྱུང་པའི་

nam-k'äi ky'ön t'am-chä yong-su ky'ab-pä

Tinh túy đó chính là kim cang Bồ đề giác ngộ, thể hiện trong

sự cúng dường bên trong và các phẩm vật cúng dường,

in aspect inner offerings and various offerings objects;

ཕྱིན་གསལ་བའི་མཚོད་སྒྲིན་དམ་ཇུས་སྒྲིན་གཟིགས་བསམ་གྱིས་

མི་ཁྱབ་པས་གང་བར་གྱུར།

ch'i-nang sang-wäi ch'ö-trin d'am-zä chän-zig  
sam-gy'i mi-ky'ab-pä g'ang-war-gy'ur

*Nhiệm vụ cốt để phát sinh tối thượng kim cang bồ đề giác  
ngộ của tánh không và hỷ lạc. Đó cũng là niềm hỷ lạc mà  
lạc căn an trụ.*

*as enjoyments of the six senses they function  
to generate the special wisdom-knowledge of bliss and voidness*

56. ཨ་མ་ཏོ་ཡེ་ཤེས་རྟེན་པ་ཆེ།

e-ma-ho ye-she röl-pa-ch'e

*E-ma-ho ! Trong niềm giác ngộ kim cang,  
E MA HO In the grand play of wisdom-knowledge,*

ཞིང་ཁམས་ཐམས་ཅད་རྫོང་རྒྱུ་ཞིང་།

zhing-k'am t'am-chä dor-jei-zhing

*Mọi nơi đều hóa thành trong phạm trù kim cang  
all realms are vajra-fields,*

གནས་རྒྱམས་རྫོང་རྒྱུ་བྱང་ཆེ།

nä-näm dor-jei p'o-dr'ang-ch'e

*Và mọi nhà thành điện kim cang huy hoàng  
and all structures majestic vajra-palaces*

གུན་བཟང་མཚོད་སྒྲིན་ཀླུ་མཚོ་འབར།

kun-zang ch'ö-tr'in gya-tso-bar

*Biển mây thanh tịnh cúng dường Phổ Hiền Bồ Tát cuộn  
cuộn dâng đến*

*Oceans of clouds of Samantabhadra offerings blaze forth.*

57. ལོང་ཅོ་དོ་གུའི་དཔལ་དང་ལྷན།

long-chö dö-gui päi-d'ang-dän

*Mọi vật đều thấm nhuần hào quang đại nguyện  
All desired wealth is endowed with glory,*

བ་ཅུད་རྣམས་དཔའ་བོ་དཔའ་མོ་དངོས།

chu-nam pa-wo pa-mo-ngö

*Mọi hữu tình hóa thành chư Thiên Vira,  
all beings are actual viras and virinis,*

མ་དག་འཁྱུལ་བའི་མིང་ཡང་མེད།

ma-d'ag tr'ul-päi ming-yang-me

*Cả chữ "bất tịnh" hoặc "tội lỗi" cũng không còn nữa  
there is not even the word "impurity" or "flaw";*

དག་པ་རབ་འབྱམས་འབར་ཞིག་གོ།

d'ag-pa rab-jam ba-zhig-g'o

*Tất cả là thanh tịnh vô biên  
it is but infinitely pure.*

58. ཧུམ་ཁྱོས་ཀུན་ཉེར་ཞི་ཆོས་སྐྱའི་ངང་།

HUM trö-kun nyer-zhi ch'ö-kui-ngang

*HUM ! Trong trạng thái của Pháp thân mà tất cả vọng  
tưởng đều lặng yên*

*HUNG Within dharmakaya, all mental fabrications stilled,*

ལུང་མེ་གཡོ་ཞིང་འབར་བའི་སྤྲེང་།

lung-me yo-zhing bar-wäi-teng

*Trên đỉnh ngọn gió xoáy và lửa hồng  
above a turbulent wind and blazing fire*

མི་མགོ་འི་སྤྱེད་པུ་གསུམ་གྱི་ཁར།

mi-göi gye-pu sum-gy'i-k'ar

*Trên kiềng ba chân với ba sọ người:  
a tripod of three human heads*

ཨཱ་མཛན་ལྷན་ཐོད་པ་ཀ་པ་ལར།

AH tsän-dän t'ö-pa ka-pa lar

*AH, trong đúng chiếc sọ người  
AH Within a proper human skullcup*

ཨོ་ཇཱ་མ་སོ་སོ་སྤར་བར་གྱུར།

OM dzä-nam so-sor bar-war-gy'ur

*OM each substance brilliantly shines.*

དེ་དག་སྤོང་གནས་ཨོ་ཨཱ་ཱུ།

d'e-d'ag teng-nä OM AH HUM

*OM, các thành phần sáng ngời xuất hiện từng thức một  
Above them are OM AH HUNG.*

59. ཁ་དོག་གཟི་བརྗིད་སོ་སོར་འབར།

k'a-d'og zi-ji so-sor-bar

*Trên tất cả các thức là ba chủng tự OM AH HUM,  
Each sparkles with brilliant colour.*

རླུང་གཡོས་མེ་འབར་ཇཱ་མ་ས་ཞུ།

lung-yö me-bar dzä-nam-zhu

*Mỗi chủng tự chói sáng với màu sắc rực rỡ.  
Wind moves, fire blazes, the substances melt*



ཁོ་ལ་བས་རྒྱུངས་པ་ཆེར་གཡོས་པས།

k'öl-wä lang-pa ch'er-yö-pä

*Gió xoáy càng mạnh, lửa bốc hồng, và các thức chảy tan ra  
and boil. Vapour rises up.*

ཡི་གེ་གསུམ་ལས་འོད་ཟེར་ཆོག་གས།

yi-g'e sum-lä wö-zer-tsog

*Từ sự sôi sục bốc ra các luồng khói dày đặc.  
From the three letters hosts of light rays*

60. ལྷོགས་བཅུར་འཕྲོས་པས་དྲོཾ་གསུམ།

ch'og-chur tr'ö-pä dor-je-sum

*Từ ba chủng tự, chiếu ra ánh sáng tỏa rạng khắp mười  
phương.  
radiate out in the ten directions*

བདུད་རྩིར་བཅས་རྣམས་སྒྱུན་བྲངས་ནས།

du-tzir chä-nam chän-dr'ang-nä

*Mang trở về Ba Kim Cang với Cam lộ,  
drawing back the three vajras and nectar,*

སོ་སོར་ཡི་གེ་གསུམ་བེམ་པས།

so-sor yi-ge sum t'im-pä

*Hòa tan từng cái một vào trong ba chủng tự,  
which dissolve into the respective letters.*

བདུད་རྩི་ལྷན་སྒྱུར་དང་འབྲེས།

du-tzir zhu-nä chu-d'ang-dre

*Rồi lại chảy tan thành nước Cam lộ trộn đều vào các thức  
Thanh tịnh hóa, chuyển hóa và tăng trưởng,  
They melt into nectar and blend with the essences.*

ཇུངས་རྟོགས་སྤར་བྱས་ཨེ་མ་ཏོ།

jang-tog bar-j'ä e-ma-ho

*E-ma-ho, trở thành biển óng ánh huy hoàng  
Purified, transformed and increased*

འདོད་དགའི་དཔལ་འབར་རྒྱ་མཚོར་གྱུར། ཨོཾ་ཨུ�和་ཧཱུྃ།

dö-gui päl-bar gya-tsor-gy'ur. OM AH HUM (3x)

*Của tất cả những gì có thể ước nguyện. OM AH HUM  
E MA HO, it becomes an ocean gleaming with everything delightful.  
OM AH HUNG*

61. ཐུགས་རྗེའི་བདག་ཉིད་ཅུ་བརྒྱད་སྤྲུལ་མ་དང་།

t'ug-jei dag-nyi tza-gyu la-ma-d'ang

*Hồi dòng chư Tổ, chư Phật và chư Thiên,  
Compassionate-natured root and lineage Gur*

ཡི་དམ་ལྷ་ཚོགས་སྐུ་བས་གནས་དགོན་མཚོག་གསུམ།

yi-d'am lha-sog kyab-nä kön-ch'og-sum

*Tam Bảo Quy Y, Vira, Thiên Nữ, Hộ Pháp và chư Thiên hộ  
trì Phật pháp,  
assembly of yidams and deities, Three Jewels of Refuge*

དཔའ་བོ་མཁའ་འགྲོ་ཚས་སྦྱོང་སྤྱད་མའི་ཚོགས།

pa-wo k'a-dro ch'ö-kyong sung-mäi tsog

*Chúng con xin kỳ nguyện nơi người, là nguồn tánh từ bi  
viras, dakinis, hosts of protectors and guardians:*

སྤྱན་རྟེན་མཚོད་པའི་གནས་འདིར་གཤེགས་སུ་གསོལ།

chän-dren ch'ö-päi nä-dir sheg-su-söl

*Xin thị hiện trên đàn lễ cúng dường này.  
I request you to come to this offering site.*

62. ཕྱིན་པ་སངས་པའི་མཆོད་སྒྲིན་རྒྱ་མཚོའི་དབུས།

ch'i-nang sang-wäi ch'ö-trin gya-tsöi-u

*Xin người hãy đặt đôi chân vững chãi tỏa rạng hào quang  
lên ngai châu báu đẹp huy hoàng*

*Amidst an ocean of clouds of outer, inner and secret offerings,*

རིན་ཆེན་ལས་གྲུབ་མཛེས་པའི་གདན་ཁྱིལ།

rin-ch'en lä-drub dze-päi dân-tr'i-la

*Giữa biển mây cúng dường bên ngoài, bên trong và bí mật.  
on a beautiful throne made of jewels,*

ཞབས་མེན་འོད་ཆགས་བརྟན་པར་བཞུགས་ནས་གྱུར།

zhab-sen wö-ch'ag tän-par zhug-nä-kyang

*Xin ban cho chúng con, những chúng sinh hữu tình đi  
tìm Giác Ngộ tối thượng,  
firmly place your radiant feet,*

སྐྱབ་མཆོག་བདག་ལ་འདོད་དགའི་དངོས་གྲུབ་སྦྱེལ།

dr'ub-ch'og dag-la dö-gui ngö-dr'ub-tzol

*Thành đạt nguyện ước đồng mãnh đặc Phật quả vô thượng  
Bồ Đề.*

*Supreme Siddha, and grant me every desired attainment.*

63. ཧོ་ཏིང་འཛིན་སྤྲུལ་སྒྲིན་བྱུང་བས་པའི།

ho-ting-dzin ngag-d'ang ch'ag-gyäi j'in-lab-päi

*Ho ! Biển cúng dường Tsog đầy Cam lộ thanh tịnh đã  
được hộ trì bởi thiền định, chú nguyện và ấn kiết*

*HO Blessed by samadhi, mantra and mudra,*

ཟག་མེད་བདུད་རྩིའི་ཆོག་མཆོད་རྒྱ་མཚོའི་དེ།

zag-me nu-tzig tsog-ch'u gya-tso-di

*this ocean of offering feast of uncontaminated nectar,*

ཙ་གཡུ་ལ་མའི་ཚོགས་རྣམས་མཉེས་ཕྱིར་འབུལ།

tza-gyu la-mäi tsog-nam nye-ch'ir-bul

*Chúng con dâng lên để cúng dường hoan hỉ Đức Bốn Sư  
truyền tiếp nhân của dòng chư Tổ, chư Đạo Sư  
we offer to please you hosts of root and lineage Gurus*

ཨོཾ་ཨུཾ་ཧུཾ།

OM AH HUM

དོ་གཤིས་པོ་ལ་རོལ་པས་ཆོས་མཛད་ནས།

dö-gui päi-la röl-pä tsim-dzä-nä

*OM AH HUM. Chúng con hoan hỉ trong hộ trì của chư  
Phật đầy huy hoàng mong ước,  
Contented by enjoying an abundance of everything desirable,*

ཡེ་མཉེ་བྱེད་བས་ཆར་ཆེན་དབབ་དུ་གསོལ།

e-ma-ho jin-lab ch'ar-ch'en bab-tu-söl

*E-ma-ho, xin rải xuống trận mưa chú nguyện hộ trì.  
E MA HO, please let fall a great rain of blessings*

64. ཧོ། ཉིང་འཛིན་སྤགས་དང་ཕྱག་རྒྱས་བྱེད་བསྐྱབས་པའི།

ho ting-dzin ngag-dang ch'ag-gyă j'in-lab-päi

*Ho ! Biển cúng dường Tsog đầy Cam lộ thanh tịnh đã  
được hộ trì bởi thiền định, chú nguyện và ấn kiết  
HO Blessed by samadhi, mantra and mudra,*

ཟག་མེད་བདུད་རྩི་འོགས་མཛད་རྒྱ་མཚོ་འདི།

zag-me du-tzii tsog-ch'ö gya-tso-di

*this ocean of offering feast of uncontaminated nectar,*

ཡི་དམ་ལྷ་ཚོགས་འཁོར་བཅས་མཉེས་ཕྱིར་འབུལ།

yi-d'am lha-tsog k'or-chä nye-ch'ir-bul

*Chúng con dâng lên để cúng dường hoan hỷ Đức Bốn Sư, là  
tiếp nhân của chư Phật, cùng thánh chúng thị giả  
we offer to please you hosts of yidams, deities and your retinues.*

ཨོཾ་ཨཱ་ཀུཾ་

OM AH HUM

འདོད་དགའི་དཔལ་ལ་རོལ་པས་ཚིམ་མཛད་ནས།

dö-gui päl-la röl-pä tsim-dzä-nä

*OM AH HUM. Chúng con hoan hỷ trong hộ trì của chư  
Phật đầy huy hoàng mong ước,  
Contented by enjoying an abundance of everything desirable,*

ཨེ་མ་ཏོ་དངོས་གྲུབ་ཆར་ཆེན་དབབ་ཏུ་གསོལ།

e-ma-ho ngö-dr'ub ch'ar ch'en bab-tu-söl

*E-ma-ho, xin rải xuống trận mưa Giác Ngộ dũng mãnh.  
E MA HO, please let fall a great rain of attainments*

65. ཧོ། ཏིང་འཛིན་ལྷགས་དང་ཕྱག་རྒྱས་བྱིན་བརྒྱབས་པའི།

ho ting-dzin ngag-dang ch'ag-gyä j'in-lab-päi

*Ho ! Biển cúng dường Tsog đầy Cam lộ thanh tịnh đã  
được hộ trì bởi thiền định, chú nguyện và ấn kiết  
HO Blessed by samadhi, mantra and mudra,*

ཟག་མེད་བདུད་རྩི་ཚོགས་མཆོད་རྒྱུ་མཆོ་འདི།

zag-me du-tzii tsog-ch'ö gya-tso-di

*this ocean of offering feast of uncontaminated nectar,*

དགྲུག་མཚོག་རིན་ཆེན་ཚོགས་རྣམས་མཆོས་ཕྱིར་འབུལ།

kön-ch'og rin-ch'en tsog-nam nye-ch'ir-bul

*Chúng con dâng lên để cúng dường hoan hỷ Đức Bốn Sư, là tiếp nhân của Tam Bảo Quy Y, nơi chúng đệ tử quay về nương tựa,*

*we offer to please you hosts of precious Jewels of Refuge.*

ཨོཾ་ཧཱུཎ་ཧཱུཎ།

OM AH HUM

འདོད་དགྲའི་དཔལ་ལ་རོལ་པས་ཆོས་མཛད་ནས།

dö-gui päl-la röl-pä tsim-dzä-nä

*OM AH HUM. Chúng con hoan hỷ trong hộ trì của chư*

*Phật đầy huy hoàng mong ước,*

*Contented by enjoying an abundance of everything desirable,*

ཨེ་མ་ཏོ་དམ་ཚོས་ཆར་ཆེན་དབབ་ཏུ་གསོལ།

e-ma-ho däm chö ch'ar ch'en bab-tu-söl

*E-ma-ho, xin rải xuống trận mưa Pháp lớn nhiệm màu.*

*E MA HO, please let fall a great rain of true Dharma.*

66. ཧོ་ཏིང་འཛིན་སྒྲགས་དང་ཕྱག་རྒྱས་བྱིན་བརྒྱབས་པའི།

ho ting-dzin ngag-dang ch'ag-gyā j'in-lab-päi

*Ho ! Biển cúng dường Tsog đầy Cam lộ thanh tịnh đã được*

*hộ trì bởi thiền định, chú nguyện và ấn kiết*

*HO Blessed by samadhi, mantra and mudra*

ཟག་མེད་བདུད་རྩི་རི་ཚོགས་མཚོད་རྒྱ་མཚོ་འདི།

zag-me du-tzii tsog-ch'ö gya-tso-di

*this ocean of offering feast of uncontaminated nectar,*

མཁའ་འགྲོའི་ཆོས་སྒྲིབ་ཆོག་གས་རྣམས་མཉེས་བྱེད་འབུལ།

k'a-dro ch'ö-kyong tsog-nam nye-ch'ir-bul

*Chúng con dâng lên để cúng dường hoan hỉ Đức Bốn Sư,  
là tiếp nhân của chư Thiên Nữ và chư Hộ Pháp,  
we offer to please you hosts of dakinis and Dharma protectors.*

ཨོཾ་ཧཱུཾ་ཧཱུཾ།

OM AH HUM

འདོད་དགའི་དཔལ་ལ་རོལ་པས་ཆོས་མཛད་ནས།

dö-gui päl-la röl-pä tsim-dzä-nä

*OM AH HUM. Chúng con hoan hỉ trong hộ trì của chư  
Phật đầy huy hoàng mong ước,  
Contented by enjoying an abundance of everything desirable*

ཨེ་མ་ཏོ་འཕྲིན་ལས་ཆར་ཆེན་དབབ་ཏུ་གསོལ།

e-ma-ho tr'in-lä ch'ar ch'en bab-tu-söl

*E-ma-ho, xin rải xuống trận mưa giới hạnh cao quý.  
E MA HO, please let fall a great rain of enlightened activities*

67. ཧོ་ཏིང་འཛིན་སྤྲལ་དང་ཕྱག་རྒྱས་བྱིན་བརྒྱབས་པའི།

ho ting-dzin ngag-dang ch'ag-gyā j'in-lab-päi

*Ho ! Biển cúng dường Tsog đầy Cam lộ thanh tịnh đã được  
hộ trì bởi thiền định, chú nguyện và ấn kiết  
HO Blessed by samadhi, mantra and mudra,*

ཟག་མེད་བདུད་རྩིའི་ཆོག་གས་མཆོད་རྒྱུ་མཆོའི་འདི།

zag-me du-tzii tsog-ch'ö gya-tso-di

*this ocean of offering feast of uncontaminated nectar,*

མ་གྱུར་སེམས་ཅན་ཚོ་གས་རྣམས་མཉེས་ཕྱིར་འབུལ།

mar-gy'ur sem-chän tsog-nam nye-ch'ir-bul

*Chúng con dâng lên để cúng dường hoan hỷ Đức Bốn Sư,  
là tiếp nhân của muôn chúng sinh đã từng là mẹ từ bi  
của chúng con,*

*we offer to please you hosts of mother sentient beings*

ཨོཾ་ཧཱུཾ་ཧཱུཾ།

OM AH HUM

འདོད་དགའི་དཔལ་ལ་རོལ་པས་ཚིམ་མཛད་ནས།

dö-gui päl-la röl-pä tsim-dzä-nä

*OM AH HUM. Chúng con hoan hỷ trong hộ trì của chư  
Phật đầy huy hoàng mong ước,*

*Contented by enjoying an abundance of everything desirable,*

ཞེ་མ་ཉོ་འཁྱུལ་སྒྲུང་སྤྱག་བསྐྱེད་ཞི་གྱུར་ཅིག །

e-ma-ho tr'ul-nang dug-ngäl zhi-gy'ur-chig

*E-ma-ho, xin ngừng tất cả khổ đau đến từ vô minh sai lầm.*

*(Từ đoạn 63-67, đọc 3 lần hay nhiều hơn)*

*E MA HO, may all deceptive appearances and suffering be quelled.*

68. ཞེ་མ་ཉོ་ཚོགས་གྱི་འཁོར་ལོ་ཆེ།

e-ma-ho tsog-kyi k'or-lo-ch'e

*E-ma-ho. Đây là đại viên cúng dường Tsog,*

*E MA HO, the great ritual feast,*

དུས་གསུམ་བདེ་ག་ཞེགས་ག་ཞེགས་གཤམ་ཏེ།

d'u-sum de-sheg sheg-shul-te

*Hỡi người là bậc tôn quý theo chân của chư Phật trong ba  
đời.*

*path of the three times Sugatas,*



དངོས་གྲུབ་མ་ལུས་འབྱུང་བའི་གནས།

ngö-dr'ub ma-lu jung-wäi-nä

*Nhận chân người là nguồn Giác Ngộ dũng mãnh, Hối*

*Bậc Đại Hùng Đại Trí Dũng Vira*

*is the source of all attainment*

དེ་ལྟར་ཤེས་ནས་དཔའ་བོ་ཆེ།

d'e-tar she-nä pa-wo-che

*Understanding this Great Hero,*

རྣམ་པར་རྟོག་པའི་སེམས་བོར་ནས།

nam-par tog-päi sem-b'or-nä

*Người đã tự giải thoát khỏi mọi tà kiến si mê,*

*abandoning superstitious conceptions,*

ཆོག་གས་ཀྱི་འཁོར་ལོར་རྒྱན་དུ་རྩེ།

tso-kyi k'or-lor gyun-d'u-röl

ཨ་ལ་ལ་འོ།

a-la-la-ho

*Chúng con xin người tiếp tục thọ hưởng đại viên cúng*

*dường Tsog, A-la-la-ho*

*always delight in the ritual feast*

69. ཨོཾ་ ། དོ་རྩེ་གསུམ་དབྱེར་མེད་པའི་བདག་།

Om dor-je sum-yer me-päi-dag

*OM, đệ tử quán tưởng mình là Đức Phật Bốn Sư*

*OM I visualize myself as a Guru-Yidam,*

རང་ཉིད་སྒྲ་མ་ལྟར་གསལ་ནས།

rang-nyi la-ma lhar-säl-nä

*Với tự tánh không là Ba Kim Cang.  
in nature inseparable from the three vajras*

ཨཱ་ཟག་མེད་ཡེ་ཤེས་བདུད་རྩི་འདི།

AH zag-me ye-she du-tzi-di

*AH, nước Cam lộ này thanh tịnh đầy vị Kim Cang Giác Ngộ,  
AH This uncontaminated wisdom nectar*

ཧཱུྃ་བྱང་ཆུབ་སེམས་ལས་གཏོ་མེད་པར།

HUM j'ang-ch'ub sem-lä yo-me-par

*HUM không là trạng thái Bồ Đề Tâm  
HUNG without moving from bodhicitta*

ལུས་གནས་ལྟ་རྣམས་ཆོམ་ཕྱིར་རོལ།

lu-nä lha-nam tsim-ch'ir-röl

*Con hành lễ để hoan hỉ chư Phật trong lòng chúng con.  
I enjoy to satisfy the deities within my body*

ཨ་ཏོ་མ་སུ་ཁ།

Ah-ho-ma-ha-su-ka

*A-ho ma-ha-sukha.*

*(Thọ hưởng phẩm vật cúng dường Tsog)*

# VIII. BÀI CA XÚC ĐỘNG TÂM CHƯ THIÊN NỮ

## A SONG TO MOVE THE DAKINIS' HEARTS

(Nghĩ thức tế lễ này thường được tán tụng trong khi  
làm lễ cúng dường Tsog)

70. ཨུཾ རེ་བཞིན་གཤེགས་པ་ཐམས་ཅད་དང་།

HUM. d'e-zhin sheg-pa t'am-chä-d'ang

HUM. Chúng con khẩn nguyện Đức Bốn Sư

HUNG All you Tathagatas

དཔའ་བོ་དག་ནི་མཁའ་འགྲོ་མ།

pa-wo d'ang-ni näl-jor-ma

đấng Như Lai Đáo Bỉ Ngạn, Đấng Đại Hùng, Du Già Nữ  
heroes and yoginis,

མཁའ་འགྲོ་དང་ནི་མཁའ་འགྲོ་མ།

k'a-dro d'ang-ni k'a-dro-ma

Cùng chư Vira, Yoginis, chư Thiên Nam và Nữ.  
viras, dakas and dakinis,

ཀུན་ལ་བདག་ནི་གསོལ་བ་འདེབས།

kun-la dag-ni söl-wa-deb

chúng con kỳ nguyện chư vị  
we make request to you all.

བདེ་བ་མཚོགས་ལ་དབྱེས་པའི་རྟེ་རུ་གླ།

de-wa chog-la gye-pai He-ru-ka

Heruka trong Đại Hỷ Lạc

Heruka who enjoys great bliss,

བདེ་བས་རབ་སྒྲིམ་མ་ལ་བསྐྱེན་བྱས་ནས།

de-wä rab-nyö ma-la nyen-j'ä-nä

*đến với chư Phật mẫu Hỷ Lạc  
come to the bliss intoxicated lady,*

ཆོ་ག་བཞིན་དུ་ལོངས་སྤྱོད་པ་ཡིས་ནི།

ch'o-ga zhin-du long-ch'ö pa-yi-ni

*Và hoan hỷ theo các nghi thức  
and with enjoyment, according to the rite*

ལྷན་སྐྱེས་བདེ་བའི་སྦྱར་བ་ལ་ཞུགས་སོ།

lhan-ky'e de-wai j'or-wa la-zhug-so

*Nhập vào Hỷ Lạc hòa hợp nội tại  
enter into the union of innate bliss.*

ཨ་ལ་ལ། ལ་ལ་རྟོ། ཨ་ཨི་ཨྲུ་ར་ལི་རྟོ།

a-la-la la-la-ho a-i-a-ah a-ra-li-ho

*A-la-la la-la-ho a-i-a-ah a-ra-li-ho*

དྲི་མེད་མཁའ་འགྲོའི་ཆོ་གས་རྣམས་ཀྱིས།

dri-me k'a-dr'oi ts'og-nam-ky'i

*Người là muôn vàn hóa thân tịnh khiết của chư Thiên Nữ  
Nhìn chúng đệ tử bằng con mắt tình thương.  
Host of immaculate dakinis*

བརྩེ་བས་གཟིགས་ལ་ལས་ཀླན་མཛོད།

tze-wä zig-la lä-kun-dzö

*Ban cho chúng sinh giác ngộ đồng mãn.  
look upon us with love, and grant all feats*

71. ཨུཾ ། དེ་བཞིན་གཤེགས་པ་ཐམས་ཅད་དང་།

HUM d'e-zhin sheg-pa t'am-chä-d'ang

*HUM. Chúng con khẩn nguyện Đức Bốn Sư*

*HUNG All you Tathagatas*

དཔའ་བོ་དང་ནི་རྣམ་འགྲུར་མ།

pa-wo d'ang-ni näl-jor-ma

*đấng Như Lai Đáo Bỉ Ngạn, Đấng Đại Hùng, Du Già Nữ*

*heroes and yoginis,*

མཁའ་འགྲོ་དང་ནི་མཁའ་འགྲོ་མ།

k'a-dro d'ang-ni k'a-dro-ma

*Cùng chư Vira, Yoginis, chư Thiên Nam và Nữ.*

*dakas and dakinis,*

ཀུན་ལ་བདག་ནི་གསོལ་བ་འདེབས།

kun-la dag-ni söl-wa-deb

*Qua các chuyển biến tâm thức Đại Hỷ Lạc*

*we make request to you all.*

བདེ་བ་ཆེན་པོས་ཡིད་ནི་རབ་བསྐྱེད་པས།

de-wa ch'en-po yi-ni räb-kyö-pä

*Qua các vũ điệu chuyển động của thân*

*As the mind stirs with great bliss,*

ལུས་ནི་ཀུན་ཏུ་གསོལ་བའི་གར་གྱིས་ནི།

lu-ni kun-tu yo-wai g'ar-gy'i-ni

*Phát sinh Đại Hỷ Lạc trong hoa sen của Phật mẫu.*

*and the body moves in dance,*

ཕུག་རྒྱུ་འཕྲོ་ལྷ་པའི་བདེ་བ་ཆེ།

ch'ag-gy'ai pal-mor röl-pai de-wa-ch'e

*may the bliss enjoying the mudra's lotus*



མཁའ་འགྲོ་དང་ནི་མཁའ་འགྲོ་མ།

k'a-dro d'ang-ni k'a-dro-ma

*Cùng chư Vira, Yoginis, chư Thiên Nam và Nữ.  
dakas and dakinis,*

ཀུན་ལ་བདག་ནི་གསོལ་བ་འདེབས།

kun-la dag-ni söl-wa-deb

*Chư Phật mẫu Yoginis trong vũ điệu nhiệm màu, các  
chuyển động dịu dàng  
we make request to you all.*

ཡིད་འོང་ནི་བའི་ཉམས་ཀྱིས་གར་མཛད་མ།

yi-ong zhi-wai nyam-kyi g'ar-dzä-ma

*Là dáng hộ pháp cực kỳ hoan hỉ  
Lady dancing in charming, peaceful manner,*

རབ་དགྱེས་མགོན་པོ་ཁྱེད་དང་མཁའ་འགྲོའི་ཚོགས།

rab-gye gön-po ky'ö-d'ang k'a-dr'oi-ts'og

*Và muôn vàn hóa thân của chư Thiên Nữ  
most joyful Lord and dakini host,*

བདག་གི་མདུན་དུ་བཞུགས་ཏེ་བྱིན་རློབས་ལ།

dag-gi dun-du zhug-te j'in-lob-la

*Thị hiện trước chúng đệ tử và hộ trì ban phép lành  
abide before me and bless me,*

ལྷན་སྐྱེས་བདེ་ཆེན་བདག་ལ་སྦྱུང་དུ་གསོལ།

lhän-kye de-chen dag-la tsäl-du-sol

*Ban cho chúng con niệm Đại Hỷ Lạc nội tại  
bestow innate great bliss upon me.*

ཨ་ལ་ལ། ལ་ལ་ཏྲོ། ཨ་ཨི་ཨྱུར་ལི་ཏྲོ།

a-la-la la-la-ho a-i-a-ah a-ra-li-ho

*A-la-la la-la-ho a-i-a-ah a-ra-li-ho*

དྲི་མེད་མཁའ་འགྲོའི་ཚྭ་ས་རྣམས་ཀྱིས།

dri-me k'a-dr'oi ts'og-nam-ky'i

*Người là muôn vàn hóa thân tịnh khiết của chư Thiên Nữ*

*Nhìn chúng đệ tử bằng con mắt tình thương.*

*Host of immaculate dakinis*

བརྩེ་བས་གཟིགས་ལ་ལས་ཀྱི་མཛོད།

tze-wä zig-la lä-kun-dzö

*Ban cho chúng sinh giác ngộ đồng mãn.*

*look upon us with love, and grant all feats*

73. ཧཱུྃ ། དེ་བཞིན་གཤེགས་པ་ཐམས་ཅད་དང།

HUM d'e-zhin sheg-pa t'am-chä-d'ang

*HUM. Chúng con khẩn nguyện Đức Bốn Sư*

*HUNG All you Tathagatas,*

དཔའ་བོ་དང་ནི་རྣམ་འགྲུར་མ།

pa-wo d'ang-ni näl-jor-ma

*đấng Như Lai Đáo Bỉ Ngạn, Đấng Đại Hùng, Du Già Nữ*

*heroes and yoginis,*

མཁའ་འགྲོ་དང་ནི་མཁའ་འགྲོ་མ།

k'a-dro d'ang-ni k'a-dro-ma

*Cùng chư Vira, Yoginis, chư Thiên Nam và Nữ.*

*dakas and dakinis,*



ཀུན་ལ་བདག་ནི་གསོལ་བ་འདེབས།

kun-la dag-ni söl-wa-deb

*Đại Hỷ Lạc có đầy đủ công năng giải thoát  
we make request to you all.*

བདེ་ཆེན་ཐར་པའི་མཆོག་ཉིད་ལྷན་པ་ཁྱོད།

de-ch'en t'ar-pai ts'än-nyi dân-pa-ky'ö

*Đại Hỷ Lạc không thể thiếu cho giải thoát giác ngộ ngay  
trong đời này*

*You possessing liberating great bliss*

བདེ་ཆེན་སྤངས་པའི་བཀའ་བྱུང་དུ་མ་ཡིས།

de-ch'en pang-pai ka-t'ub du-ma-yi

*Dầu đã qua nhiều tu tập khổ hạnh  
don't abandon it for great asceticism*

ཆོ་གཅིག་གྲོལ་བར་མི་བཟེད་བདེ་ཆེན་ཡང་།

ts'e-chig dr'öl-war mi-zhe de-ch'en-yang

*Which cannot liberate in one lifetime*

ཏུ་སྤྱིས་མཆོག་གི་དབུས་ན་གནས་པ་ཡིན།

ch'u-kye ch'og-g'i u-na nä-pa-yin

*Niềm Đại Hỷ Lạc vẫn tồn tại trong các trung tâm hoa sen  
tối thượng*

*Great bliss abides within the supreme lotus*

ཨ་ལ་ལ། ལ་ལ་འོ། ཨ་ཨི་ཨྱུར་ལི་འོ།

a-la-la la-la-ho a-i-a-ah a-ra-li-ho

*A-la-la la-la-ho a-i-a-ah a-ra-li-ho*

དྲི་མེད་མཁའ་འགྲོའི་ཚོགས་རྣམས་ཀྱིས།

dri-me k'a-dr'oi ts'og-nam-ky'i

*Người là muôn vàn hóa thân tịnh khiết của chư Thiên Nữ*

*Nhìn chúng đệ tử bằng con mắt từ bi.*

*Host of immaculate dakinis*

བརྟེ་བས་གཟིགས་ལ་ལས་ཀྱི་མཛོད།

tze-wä zig-la lä-kun-dzö

*Ban cho chúng sinh giác ngộ đồng mãn.*

*look upon us with love, and grant all feats.*

74. ཧུམ་ ། དེ་བཞིན་གཤེགས་པ་ཐམས་ཅད་དང་།

HUM d'e-zhin sheg-pa t'am-chä-d'ang

*HUM. Chúng con khẩn nguyện Đức Bốn Sư*

*HUNG All you Tathagatas*

དཔའ་བོ་དང་ནི་རྣམ་འགྲུར་མ།

pa-wo d'ang-ni näl-jor-ma

*đấng Như Lai Đáo Bỉ Ngạn, Đấng Đại Hùng, Du Già Nữ*

*heroes and yogini*

མཁའ་འགྲོ་དང་ནི་མཁའ་འགྲོ་མ།

k'a-dro d'ang-ni k'a-dro-ma

*Cùng chư Vira, Yoginis, chư Thiên Nam và Nữ.*

*dakas and dakinis*

ཀུན་ལ་བདག་ནི་གསོལ་བ་འདེབས།

kun-la dag-ni söl-wa-deb

*we make request to you all.*

འདམ་གྱི་དབུས་སུ་སྐྱེས་པའི་པ་རྒྱ་བཞིན།

dam-gy'i u-su kye-pai pä-ma-zhin

*Như hoa sen mọc từ bùn*

*Supreme yogini, by the bliss of your lotus*

ཆགས་ལས་སྐྱེས་ཀྱང་ཆགས་པས་སྐྱོན་མ་གོས།

ch'ag-lä kye-kyang ch'ag-pä kyön-ma-g'ö

*Đại Hỷ Lạc, dù sinh ra từ dục vọng vẫn không ô nhiễm vì*

*dục vọng*

*which, like a lotus born in mud,*

རྣམ་འབྱུང་མ་མཆོག་པ་རྒྱའི་བདེ་བ་ཡིས།

näl-jor ma-ch'og pä-mai de-wa-yi

*Hỡi đáng tối thượng Phật mẫu Yoginis, nhờ Đại Hỷ Lạc*

*trong hoa sen của người*

*is desire-born but unstained by its faults;*

སྤྱིད་པའི་འཆིང་བ་སྐྱུར་དུ་གྲོལ་བར་མཛོད། ཨ་ལ་ལ།

si-pai ch'ing-wa nyur-du dröl-wa-dzö

*Xin nguyện cho sợi dây trói buộc của Ta Bà Luân Hồi mau*

*chóng tháo gỡ*

*quickly free me from samsara's bonds.*

ཨ་ལ་ལ། ལ་ལ་རྟོ། ཨ་ཨི་ཨྱུར་ལི་རྟོ།

a-la-la la-la-ho a-i-a-ah a-ra-li-ho

*A-la-la la-la-ho a-i-a-ah a-ra-li-ho*

དྲི་མེད་མཁའ་འགྲོའི་ཆོག་སྐྱེས་ཀྱིས།

dri-me k'a-dr'oi ts'og-nam-ky'i

*Người là muôn vàn hóa thân tịnh khiết của chư Thiên Nữ*

*Nhìn chúng đệ tử bằng con mắt tình thương.*

*Host of immaculate dakinis*

བཙུ་བས་གཟིགས་ལ་ལས་ཀྱི་མཛོད།

tze-wä zig-la lä-kun-dzö

*Ban cho chúng sinh giác ngộ đồng mãn.*  
*look upon us with love, and grant all feats.*

75. ཨུཾ ། དེ་བཞིན་གཤེགས་པ་ཐམས་ཅད་དང་།

HUM d'e-zhin sheg-pa t'am-chä-d'ang

*HUM. Chúng con khẩn nguyện Đức Bốn Sư*  
*HUNG All you Tathagatas,*

དཔའ་བོ་དང་ནི་རྣམ་འགྲུར་མ།

pa-wo d'ang-ni näl-jor-ma

*đấng Như Lai Đáo Bỉ Ngạn, Đấng Đại Hùng, Du Già Nữ*  
*heroes and yoginis,*

མཁའ་འགྲོ་དང་ནི་མཁའ་འགྲོ་མ།

k'a-dro d'ang-ni k'a-dro-ma

*Cùng chư Vira, Yoginis, chư Thiên Nam và Nữ.*  
*dakas and dakinis*

ཀུན་ལ་བདག་ནི་གསོལ་བ་འདེབས།

kun-la dag-ni söl-wa-deb

*we make request to you all.*

སྤང་ཕྱིར་འབྱུང་གནས་རྣམས་ཀྱི་སྤང་ཕྱིར་བཅུད།

dr'ang-tzii j'ung-nä nam-kyi dr'ang-tzii-chu

*Như con ong đến hút mật từ nhụy hoa*  
*Just as bees gather from all sides to extract*

བྱུང་བའི་ཚྭ་གས་ཀྱིས་ཀྱི་ནས་འཁྱུང་བ་ལྟར།

b'ung-wai ts'og-kyi kun-nä t'ung-wa-tar

*Xin nguyện cho chúng con an vui như thể*  
*the honey-essence from every flower,*

མཚན་ཉིད་དུག་ལྷན་མཚོ་སྐྱེས་རྒྱུ་པ་ཡིས།

ts'än-nyi dr'ug-dän ts'o-kye gyä-pa-yi

*Nhờ uống được Cam lộ của đóa hoa sen hoàn thiện  
may I be fulfilled tasting the nectar*

བཅུད་བཅིངས་པ་ཡི་རོ་ཡིས་ཚེ་མས་པར་མཛོད།

chu-ching pa-yi ro-yi ts'im-par-dzö

*Có đầy đủ sáu đức hạnh  
held by the mature lotus of six qualities*

ཨ་ལ་ལ། ལ་ལ་རྟོ། ཨ་ཨ་ལ་ལ་རྟོ་རྟོ།

a-la-la la-la-ho a-i-a-ah a-ra-li-ho

*A-la-la la-la-ho a-i-a-ah a-ra-li-ho*

དྲི་མེད་མཁའ་འགྲོའི་ཚོགས་རྣམས་ཀྱིས།

dri-me k'a-dr'oi ts'og-nam-ky'i

*Người là muôn vàn hóa thân tịnh khiết của chư Thiên Nữ  
Nhìn chúng đệ tử bằng con mắt tình thương.  
Host of immaculate dakinis*

བཙེ་བས་གཟིགས་ལ་ལས་ཀྱན་མཛོད།

tze-wä zig-la lä-kun-dzö

*Ban cho chúng sinh giác ngộ đồng mãn.  
look upon us with love, and grant all feats.*

76. ཨུམ་ ། མ་དག་འཁུལ་སྒྲུང་དབྱིངས་སུ་དག།

HUM ma-d'ag tr'ul-nang ying-su-d'ag

*HUM. Các tà kiến si hoặc đã được giải trừ trong vòm cầu  
của Tánh Không  
HUNG Impure false appearances are purified in emptiness,*

ཨཧྲེ་ཤེ་ལམ་གྱུ་བ་བདུད་ཅི་ཆེ།

AH ye-she lä-dr'ub du-tzi-ch'e

AH, nước Cam lộ nhiệm màu sinh ra từ Kim Cang Giác Ngộ

AH this sublime nectar achieved by wisdom-knowledge,

ཨྲི་པ་འདོད་དགུ་རི་རྒྱ་མཚོ་ཆེན་པོར་གྱུར།

OM dö-gui gya-tso ch'en-por-gy'ur

OM, hóa thành biển lớn của tất cả thức ước muốn

OM becomes a vast ocean of all desired things.

ཨྲི་ཨཧྲེ་ཧཱུྃ།

OM AH HUM (3x)

(Cúng phần vật thực Tsog dư thừa)

77. ཧོ་པ་ཏིག་འཛིན་སྒྲགས་དང་ཕྱག་རྒྱས་བྱིན་བརྒྱབས་པའི།

ho ting-dzin ngag-d'ang ch'ag-gyã j'in-lab-päi

Ho ! Biển thực vật cúng dường Tsog còn dư lại đầy Cam lộ

HO Blessed by samadhi, mantra and mudra,

ཟག་མེད་བདུད་ཅི་རི་ཆོག་གས་ལྷ་རྒྱ་མཚོ་འདི།

zag-me du-tzii tsog-lhag gya-tso-di

Thanh tịnh đã được hộ trì bởi thiền định, chú nguyện và  
ấn chú,

this ocean of remaining tsog of uncontaminated nectar,

དམ་ཅན་ཁིང་སྦྱོར་ཆོག་གས་རྣམས་མཉེས་ཕྱིར་འབུལ།

d'am-chän zhing-kyong tsog-nam nye-ch'ir-bul

Chúng con dâng lên để cúng dường hoan hỉ Đức Bốn Sư,

tiếp nhân của chư Đại Nguyên Hộ Pháp của các cảnh giới.

we offer to please you hosts of oath-bound realm-protectors

ཨྲི་ཨཧྲེ་ཧཱུྃ།

OM AH HUM

འདོད་དགའི་དཔལ་ལ་རོལ་བས་ཚིམ་མཛད་ནས།

dö-gui päl-la röl-pä tsim-dzä-nä

OM AH HUM. Chúng con hoan hỉ trong hộ trì của chư

Phật đầy huy hoàng mong ước,

Contented by enjoying an abundance of everything desirable,

ཨེ་མ་ཧོ་རྒྱལ་འབྱོར་འཕྲིན་ལས་རྒྱལ་བཞིན་སྐྱབས།

e-ma-ho näl-jor tr'in-lä tsul-zhin-drub

E-ma-ho, xin hoàn thành các giới hạnh của pháp môn

đạo Du Già như đã thệ nguyện. (Mang thực vật Tsog cúng

cô hồn nga quý ra ngoài sau nhà)

E MA HO may yogic activities be accomplished properly.

78. ཧོ་། ལྷག་མའི་མགྲོན་རྒྱལས་འཁོར་བཅས་ཀྱིས།

ho lhag-mäi drön-nam k'or-chä-kyi

Ho ! Do cúng dường biển vật thực Tsog còn lại

HO Remaining guests and your retinues,

ཚོགས་ལྷག་རྒྱུ་མཚོ་འདི་བཞེས་ལ།

tsog-lhag gya-tso di-zhe-la

Cho các khách còn lại chung với các tùy tùng,

accept this ocean of remaining tsog,

བསྐྱན་པ་རིན་ཆེན་རྒྱས་པ་དང་།

tän-pa rin-ch'en gyä-pa-d'ang

Xin nguyện Giáo Pháp tôn quý được hoằng hóa, xin các

thiện tri thức bảo tồn đạo pháp

let the precious teachings spread

བསྐྱན་འཛིན་ཡོན་མཚོད་འཁོར་བཅས་དང་།

tän-dzin yön-ch'ö k'or-chä d'ang

Lễ cúng dường bảo hộ cùng các hàng tùy tùng,

and its upholders, patrons and helpers,

79. ཁྱད་པར་རྣམ་འབྱོར་བདག་ཅག་ལ།

ky'ä-par näl-jor dag-chag-la  
*and especially we yogis,*

ནད་མེད་ཆོ་དང་དབང་ཕྱག་དང་།

nä-me tse-d'ang wang-ch'ug-d'ang

*Và nhất là chúng ta, hành giả Du Già - xin nguyện chúng  
ta giải trừ mọi bệnh tật,  
all gain health, long life and power,*

དཔལ་དང་གྲགས་དང་སྐལ་པ་བཟང་།

päl-d'ang dr'ag-d'ang käl-wa-zang

*Được thọ mạng lâu dài, thành công, may mắn  
glory, fame, good fortune*

ལོངས་སྤྱོད་རྒྱ་ཆེན་ཀུན་ཐོབ་ཅིང་།

long-chö gya-ch'en kun-t'ob-ching

*tài vật dồi dào và đạt đầy đủ mọi thứ ước muốn.  
and full attainment of every desirable thing.*

80. ཞི་དང་རྒྱལ་ལ་སོགས་པ་ཡི།

zhi-d'ang gyä-la sog-pa-yi

*Xin ban cho chúng con hành trì dũng mãnh đạt nhiều quả vị  
Bestow on us accomplishment of actions*

ལས་གྱི་དཔོན་གྲུབ་བདག་ལ་སྤྱད་།

lä-kyi ngo-dr'ub dag-la-tzöl

*Như an lạc, tinh tấn tăng thượng tu học và v.v...,  
such as pacification, increase and so forth.*



དམ་ཚིག་ཅན་གྱིས་བདག་ལ་སྤྱད།

d'am-tsig chän-gy'i dag-la-sung

*Hỡi đấng Hộ pháp Đại Nguyên, xin hộ trì chúng con !*

*Oath-bound Protectors, protect us;*

དངོས་གྲུབ་ཀྱན་གྱི་སྟོང་གྲོགས་མཛོད།

ngö-dr'ub kun-gyi tong dr'og-dzö

*Xin giúp chúng con đạt tất cả Phật quả uy dũng*

*help us obtain all accomplishments*

81. དུས་མིན་འཆི་དང་ནད་རྒྱུ་མས་དང་།

d'u-min ch'i-d'ang nä-nam-d'ang

*Xin tránh cho chúng con sự chết tối hậu,*

*Eliminate untimely death, sickness,*

གཏོན་དང་བགོགས་རྒྱུ་མས་མེད་པར་མཛོད།

dön-d'ang geg-nam me-par dzö

*Bệnh tật, quỷ tà hoặc là các hồn ma quấy nhiễu.*

*demons and interfering spirits*

མི་ལམ་ངན་དང་མཚན་མ་ངན།

mi-lam ngän-d'ang tsän-ma-ngän

*Giúp chúng con ngủ yên không ác mộng,*

*Let there be no bad dreams*

བྱ་བྱེད་ངན་པ་མེད་པར་མཛོད།

j'a-j'e ngän-pa me-par-dzö

*Không gặp các điềm dữ hoặc tai họa.*

*ill omens or calamity*

82. འཇིག་རྟེན་བདེ་ནིང་ལོ་ལོགས་དང་།

jig-ten de-zhing lo-leg-d'ang

*Let the world be happy, crops be good,*

འབྲུ་རྣམས་འཕེལ་ནིང་ཚོས་འཕེལ་བས།

dru-nam gyä-shing ch'ö-p'el-d'ang

*Xin ban cho chúng con hạnh phúc thế gian, mùa màng*

*thu hoạch nhiều tốt đẹp*

*harvests increase and Dharma flourish*

དག་ལོགས་ཐམས་ཅད་འབྲུང་བ་ཡིས།

de-leg t'am-chä jung-wa-d'ang

*Xin cho Phật pháp nở rộ, mọi điều lành và hỷ lạc phát sinh*

*Let all happiness and goodness arise*

ཡིད་ལ་འདོད་པ་ཀུན་འགྲུབ་ཤིག།

yi-la dö-pa kun-drub-shog

*Và xin cho tất cả các ước nguyện trong tâm thức chúng con*  
*được thành tựu.*

*and all wishes in our minds be fulfilled.*

83. སྤྱིན་པ་རྒྱ་ཆེན་གྱུར་པ་འདི་ཡི་མཐུས།

jin-pa gya-ch'en gyur-pa di-yi-t'u

*Và nhờ oai lực bố thí rộng lớn, xin cho con hóa thành*

*By the force of this bountiful giving may I become*

འགྲོ་བའི་དོན་དུ་རང་བྱུང་སངས་རྒྱས་ཤིག།

dro-wäi d'ön-du rang-jung sang-gyä-shog

*Đức Phật Tự Giác để mang đến lợi ích mọi chúng sinh,*

*a self-made Buddha for the sake of beings,*

སྒྲོལ་ཆེ་རྒྱལ་བ་རྣམས་ཀྱི་མ་གྲོལ་བའི།

ngön-tse gyäl-wa nam-kyi ma-d'ul-wäi

*Và nhờ hạnh bố thí, đệ tử xin nguyện giải thoát  
and by my generosity may I liberate the multitudes*

སྐྱེ་བའི་ཆོག་མཁན་རྣམས་སྐྱེན་པས་གྲོལ་གྱུར་ཅིག།

kye-wöe tsog-nam jin-pä dr'ol-gy'ur-chig

*Vô lượng chúng sinh vẫn còn luân hồi qua các thời chư  
Phật quá khứ  
of beings not liberated by previous Buddhas.*

## **IX. ÔN LẠI CÁC GIAI ĐOẠN TRÊN CON ĐƯỜNG TU HÀNH REVIEWING THE STAGES ON THE PATH**

84. ཞིང་མཆོག་དམ་པ་རྗེ་བཙུན་སྤྲུམ་ལ།

zhing-ch'og d'am-pa je-tzun la-ma-la

*Qua oai lực cúng dường và kỳ nguyện cung kính  
Through the power of having made offerings and respectful requests*

མཆོད་ཅིང་གུས་པས་གསོལ་བ་བདག་པའི་མཐུས།

ch'ö-ching g'u-pä söl-wa tab-päi-t'u

*Đến người, hồi bậc Thánh trí tôn kính Đạo Sư, là ruộng  
công đức tối thượng,  
To you holy venerable Gurus, supreme field of merit,*

བདེ་ལེགས་རྩ་བ་མགོན་པོ་ཁྱེད་ཉིད་ཀྱིས།

de-leg tza-wa gön-po ky'ö-nyi-kyi

*Chúng con xin được hộ trì của đấng Hộ Pháp và căn gốc  
của an vui và hỷ lạc  
Protectors and root of well-being and bliss,*

དགྱིས་བཞིན་ཇེ་སུ་འཇོན་པར་བྱིན་གྱིས་རྫོབས།

gye-zhin je-su dzin-par j'in-gyi-lob

*Xin cho chúng con đến dưới sự bảo bọc an lạc của người,  
Please bless me to come under your joyful care.*

85. ལན་གཅིག་ཙམ་ཞིག་རྟོན་པའི་དལ་འབྱུར་འདི།

län-chig tzam-zhig nye-pai d'äi-jor-di

*Nhận biết thân tự do và quý hiếm này  
Please bless me to realize how this body of liberties and endowments,*

རྟོན་དཀར་མུར་དུ་འཇིག་པའི་ཚུལ་རྟོགས་ནས།

nye-ka nyur-d'u jig-pai tsul-tog-nä

*Chỉ được một lần, khó kiếm được nữa và mất đi thật dễ dàng,  
Is found but once, is difficult to obtain, and is easily lost;*

དོན་མེད་ཆོ་འདིའི་བྱ་བས་མི་གཡང་བར།

d'ön-me tse-dii j'a-wä mi-yeng-war

*Chúng con xin được hộ trì để hưởng tinh túy của thân  
người cùng sử dụng hữu ích thân*

*And partake of its essence, make it worthwhile,*

དོན་ལྷ་སྒྲིང་པོ་ལན་པར་བྱིན་གྱིས་རྫོབས།

d'ön-dän nying-po len-par j'in-gy'i-lob

*Không bị lôi cuốn theo các việc vô nghĩa của kiếp sống này.  
Undistracted by the meaningless affairs of this life.*

86. ངན་སོང་སྒྲུག་བསྐྱལ་འབར་བའི་མེས་འཇིགས་ནས།

ngän song dug ngäl bar-wai me-jig-nä

*Kinh khiếp thay ngọn lửa nung vì đau khổ trong các nẻo  
luân hồi dữ,*

*Please bless me to fear the searing blaze*

སྟིང་ནས་དགོན་མཆོག་གསུམ་ལ་སྐྱབས་འགྲོ་གིང་།

nying-nä kön-ch'og sum-la kyab-dro-zhing

*Of suffering in the lower realms,*

སྡིག་སྤོང་དགོ་ཆོག་ས་མཐའ་དག་བསྐྱབ་པ་ལ།

dig-pong ge-tsog t'a-d'ag drub-pa-la

*Chúng con xin thành tâm quy y Tam Bảo và xin được ban*

*Hộ trì của người giúp chúng con hăng hái cố gắng tinh*

*tấn tu tập các pháp môn, phương tiện*

*Take heartfelt refuge in the three precious Gems,*

བརྩོན་པ་ལྟར་ལན་བྱེད་པ་བྱིན་གྱིས་རྫོབས།

tzön-pa lhur-len j'e-par j'in-gy'i-lob

*Từ bỏ những điều đưa đến tai họa và xin tích tụ công*

*đức lành*

*And enthusiastically practise avoiding negative actions and accumulating virtue.*

87. ལས་དང་ཉོན་མོངས་བརྟོན་དུ་བསྐྱབས།

lä-d'ang nyön-mong ba-long dr'ag-tu-tr'ug

*Bị ném tung vào giữa làn sóng tham ái và nghiệp lực,*

*Please bless me to develop an intense longing for freedom*

སྤྱད་བསྐྱལ་གསུམ་གྱི་ཆུ་སྟོན་མང་པོས་གཙོས།

dug-ngäl sum-gy'i ch'u-sin mang-pö-tze

*Bị đuổi bắt bởi bầy thủy quái - là ba niềm đau khổ -*

*From this great ocean of boundless, vicious existence,*

མཐའ་མེད་འཇིགས་རུང་སྤྱིད་མཆོ་ཆེན་པོ་ལས།

t'a-me jig-rung si-tso ch'en-po-lä

*Chúng con xin được hộ trì của người để phát nguyện ý*

*dũng mãnh đạt giải thoát*

*Violently tossed by waves of affliction and karma,*

ཐར་འདོད་ཤུག་དྲ་ག་ལྷོ་བར་བྱིན་གྱིས་རྫོབ

t'ar-dö shug-dr'ag kye-war j'in-gy'i-lob

*Ra khỏi bể khổ kinh khủng của vô lượng kiếp luân hồi.*

*Infested by sea monsters of the three sufferings.*

88. བཟོད་དཀར་བརྩོན་ར་འདྲ་བའི་འཁོར་བ་འདི།

zö-ka tzön-ra dra-wäi k'or-wa-di

*Sau khi bỏ tà kiến cho rằng ngục tù luân hồi sanh tử đau*

*khổ không thể chịu được này là nguồn khoái lạc,*

*Please bless me to overcome the view which sees*

དཀར་བའི་ཚལ་ལྟར་མཐོང་བའི་སྒོ་སྤངས་ནས།

ga-wäi tsäl-tar t'ong-wä lo-pang-nä

*Chúng con xin được hộ trì để thọ hưởng kho tàng*

*This unbearable prison of samsara as a pleasant garden*

བསྐྱབ་གསུམ་འཕགས་པའི་ནོར་གྱི་མཛོད་བཟུང་སྟེ།

lab-sum p'ag-päi nor-gy'i dzö-zung-te

*Châu báu của bậc Thánh trí và tam học cao cấp*

*And thereby grasp the banner of liberation,*

ཐར་བའི་རྒྱལ་མཚན་འཛིན་པར་བྱིན་གྱིས་རྫོབས།

t'ar-päi gyäl-tsän dzin-par j'in-gy'i-lob

*Và nhờ đó bảo tồn nâng cao lá cờ đạo giải thoát giác ngộ*

*Upholding it with the three trainings and the treasure of Arya jewels.*

89. ཉམ་ཐག་འགྲོ་བ་འདི་ཀུན་བདག་གི་མ།

nyam-t'ag dro-wa di-kun dag-g'i-ma

*Nhận biết tất cả các chúng sinh đáng thương đã từng là mẹ*

*chúng con*

*Please bless me to develop unaffected compassion*

ཡང་ཡང་དྲིན་གྱིས་བསྐྱེད་ས་པའི་ཚུ་ལ་བསམས་ནས།

yang-yang dr'in-gy'i kyang-päi tsul-sam-nä

Và đã từng nuôi nấng chúng con trong tình thương qua vô  
lượng kiếp

*Like a loving mother's for her precious child*

སྤྱག་པའི་བུ་ལ་བརྟེ་བའི་མ་བཞིན་དུ།

dug-päi b'u-la tze-wäi ma-zhin-d'u

Chúng con xin được hộ trì để phát lòng từ bi vô lượng  
By considering how all tormented beings are my mothers,

བཅོས་མིན་སྤྲིང་རྩེ་སྒྲེ་བར་བྱིན་གྱིས་རྒྱབས།

chö-min nying-je kye-war j'in-gy'i-lob

Như lòng thương của mẹ dành cho đứa con yêu  
Who have raised me with kindness again and again.

90. སྤྱག་བསྐྱེད་ས་པའི་ཚུ་ལ་འདོད་ཅིང་།

dug-ngäl tr'a-mo tzam yang mi-dö-ching

Không có sự khác biệt gì giữa chúng ta và kẻ khác:  
Please bless me to enhance the bliss and joy of others,

བདེ་ལ་ནམ་ཡང་ཚོགས་གསལ་མེད་པར་ནི།

de-la nam-yang ch'og-she me-par-ni

Không ai trong chúng ta muốn bị một sự đau khổ nhỏ nào  
Realizing that there is no difference between us.

བདག་དང་གཞན་ལ་ཁྱད་པར་ཡོན་མིན་ཞེས།

dag-d'ang zhän-la kyä-par yö-min-zhe

Và cũng thường không hài lòng với hạnh phúc đang có,  
None of us desires the slightest suffering

གཞན་བདེ་དག་པ་བསྐྱེད་པར་བྱིན་གྱིས་རྫོབ

zhän-de ga-wa kye-par j'in-gy'i-lob

*Nhận biết điều này, chúng con xin được sự hộ trì của người để có thể*

*Cho thêm niềm vui và hạnh phúc cho người.*

*Or is ever content with the happiness we have.*

91. རང་ཉིད་གཅིས་པར་འཛིན་གཅོང་ནད་འདི།

rang-nyi che-par dzin-päi chong-nä-di

*Căn bệnh trầm kha chấp và yêu mến tự ngã mình*

*Please bless me to perceive that this chronic disease of cherishing myself,*

མི་འདོད་སྤྱད་བསྐྱེད་པར་རྒྱུར་མཐོང་ནས།

mi-dö dug-ngäl kye-päi gyur-t'ong-nä

*Là nhân gây ra đau khổ mà chúng ta không muốn*

*Is the cause giving rise to my unsought suffering.*

ལེ་ལན་བདས་ལ་འཁོན་དུ་བཟུང་བྱེད་ཏེ།

le-län dä-la k'ön-d'u zung-j'ä-te

*Nhận biết như thế, chúng con xin được hộ trì của người để  
từ bỏ, chán ghét*

*By blaming and begrudging it,*

བདག་འཛིན་གཏོན་ཆེན་འཛིས་པར་བྱིན་གྱིས་རྫོབས།

dag-dzin dön-ch'en jom-par j'in-gy'i-lob

*Và tiêu trừ con quỷ to lớn là lòng ích kỷ chấp ngã*

*May I destroy the great demon of self-grasping.*

92. མ་རྒྱམས་གཅིས་བཟུང་བདེ་ལ་འགོད་པར་སྒྲོ།

ma-nam che-zung de-la gö-päi-lo

*Ý thức yêu thương các chúng sinh mọi loài và bảo bọc*

*Please bless me to see that cherishing all mothers,*



མཐའ་ཡས་ཡོན་ཏན་རྒྱུད་བའི་སྒྲོར་མཐོང་ནས།

t'a-yä yön-tän jung-wäi gor-t'ong-nä

*Các chúng sinh trong an lạc là cửa ngõ đi vào công đức vô lượng.*

*Wishing to place them in bliss, is the gateway to infinite virtues.*

འགྲོ་བ་འདི་དག་བདག་གི་དགྲར་ལངས་གྱུར།

dro-wa di-d'ag dag-gi drar-lang-kyang

*Nhận thấy như thế, chúng con xin được hộ trì của người để yêu thương các chúng sinh*

*May I cherish these beings dearer than my life*

སྒྲོད་ལས་གཅེན་པར་འཛིན་པར་བྱིན་གྱིས་རྫོབས།

sog-lä che-par dzin-par j'in-gy'i-lob

*Nhiều hơn mạng kiếp chúng con, ngay cả khi họ trở nên kẻ thù.*

*Even should they rise up as my enemies.*

93. མདོར་ན་བྱིས་པ་རང་དོན་གོ་ན་དང།

dor-na j'i-pa rang-dön k'o-na-d'ang

*Tóm lại, chúng sinh kém cỏi chỉ nỗ lực cho chính họ*

*In brief, infantile beings work only for their own ends*

ཐུབ་དབང་གཞན་དོན་འབར་ཞིག་མཛད་པ་ཡི།

t'ub-wang zhän-d'ön ba-zhig dzä-pa-yi

*Còn chư Phật lại chỉ hành động cho an ổn hạnh phúc của người khác.*

*While Buddhas work solely for the welfare of others.*

སྒྲོན་དང་ཡོན་ཏན་དབྱེ་བརྟན་པའི་སྒྲོལ།

kyön-d'ang yön-tän ye-wa tog-päi-lö

*Với tâm thức nhận chân sự khác biệt giữa nhược điểm của chấp ngã.*

*Và ưu điểm của sự lợi tha, chúng con xin được hộ trì của người*

*Please bless me to understand the faults of one and the advantages of the other,*

བདག་གཞན་མཉམ་བཞེ་རྒྱས་པར་བྱིན་གྱིས་རྒྱལ་ལ།

dag-zhän nyam-je nu-par j'in-gy'i-lob

*Ban cho chúng con tâm vô phân biệt và chuyển hóa tâm, đổi ta cho người*

*Enabling me to equalize and exchange myself for others.*

94. རང་ཉིད་གཅིས་འཛིན་གུད་པ་ཀུན་གྱི་སྒྲོ།

rang-nyi che-dzin gu-pa kun-gy'i-go

*Bởi vì yêu tự ngã mình chính là cửa ngõ đến mọi đau khổ,  
Please bless me to make my core practice*

མ་རྒྱལ་མཉམ་གཅིས་འཛིན་ཡིན་ཏན་ཀུན་གྱི་གཞི།

ma-nam che-dzin yön-tän kun-gy'i-zhi

*Trong khi yêu mến chúng sinh mẹ và đặt căn bản trên điều đó chính là đức hạnh*

*The yoga of exchange of self for others,*

དེ་ཕྱིར་བདག་གཞན་བཞེ་བའི་རྣམ་འབྱུང་ལ།

d'e-ch'ir dag-zhän je-wäi näl-jor-la

*Chúng con xin được hộ trì của người để nhận đó làm cốt lõi tu tập*

*Since cherishing myself is the doorway to all torment*

ནམ་ལན་སྒྲིང་པོ་བྱེད་པ་བྱིན་གྱིས་རྫོབས།

nyam-len nying-por j'e-par j'in-gy'i-lob

*Pháp môn Du Già chuyển hóa tâm đối ta lấy người.*

*While cherishing my mothers the foundation for all that is good.*

95. དེས་ན་རྗེ་བཙུན་སྤྱོད་མ་ཐུགས་རྗེ་ཅན།

d'e-na je-tzun la-ma t'ug-je-chän

*Please bless me venerable, compassionate Gurus*

མ་གྱུར་འགྲོ་བའི་སྒྲིག་སྒྲིབ་སྤྱད་པ་སྤྲུལ་ཀུན།

ma-gy'ur dro-wäi dig-drib dug-ngäl-kun

*Và hành trì như thế, hồi đấng Bốn Sư từ bi, chúng con xin*

*được hộ trì của người*

*So that all karmic debts, obstacles and sufferings of mother being*

མ་ལུས་དེ་ལྟ་བུ་དག་ལ་སྒྲིབ་པ་དང་།

ma-lu d'a-ta dag-la min-pa-d'ang

*Ripen upon me right now, without exception,*

བདག་གི་བདེ་དགོས་ཁམས་ལ་བརྟེན་བཞུགས་

dag-g'i de-ge zhän-la tang-wa-yi

*Để cho chúng con xin thay cho tất cả chúng sinh mẹ không*

*trừ một ai,*

*And that I can give my happiness and virtue to othe*

འགྲོ་ཀུན་བདེ་དང་ལྷན་པ་བྱིན་གྱིས་རྫོབས།

dro-kun de-d'ang dân-par j'in-gy'i-lob

*Gánh trả cho họ tất cả nghiệp nợ, chướng ngại và khổ đau*

*ngay tức khắc trên chúng con*

*Và để chúng con có thể mang lại phúc lạc và công đức cho*

*người khác*

*Và như thế, đưa mọi chúng sinh vào cõi hỉ lạc*

*And thereby invest all beings in bliss. (3x)*

96. སྐྱོད་བཅུད་སྤྲིག་པའི་འབྲས་བུས་ཡོངས་གང་སྟེ།

nö-chu dig-päi dra-bu yong-g'ang-te

*Ngay cả khi cõi này cùng toàn thể chúng sinh chứa đầy*

*Please bless me to take miserable conditions as a path*

མི་འདོད་སྤྲིག་བསྐྱེད་ཆར་ལྷར་བབས་གྱུར་གྱུར།

mi-dö dug-ngäl ch'at-tar bab-gy'ur-kyang

*Quả của nghiệp nợ của họ*

*Và làm cho đổ xuống trận mưa khổ đau bất ngờ*

*By seeing them as causes to exhaust my negative karma*

ལས་ངན་འབྲས་བུ་ཟད་པའི་གྱུར་མཐོང་ནས།

lä-ngän drä-b'u zä-päi gy'ur-t'ong-nä

*Chúng con xin được hộ trì của đức Bốn Sư để gánh nhận tất cả*

*tình cảnh khổ đau đó như là con đường đạo*

*Since the world and its beings are full of the fruits of our evil,*

ཀྱིན་ངན་ལམ་དུ་ཡོངས་པར་བྱིན་གྱིས་སྤོབས།

kyen-ngän lam-d'u long-par j'in-gy'i-lob

*Và lấy đó làm nhân để trả hết quả của những nghiệp ác*

*của chúng con đã gây ra*

*And unwished for sufferings pour down like rain.*

97. མདོར་ན་བཟང་གན་སྣང་བ་ཅི་ཤར་ཡང་།

dor-na zang-ngän nang-wa chi-shar-yang

*Tóm lại, bất kể những gì xảy ra bên ngoài, dù xấu hay tốt,*

*Please bless me to transform whatever appearances may arise, good or bad,*

ཚོས་ཀུན་སྙིང་པོ་སྒྲོབས་ལྟའི་ཉམས་ལན་གྱིས།

ch'ö-kun nying-po tob-ngäi nyam-len-gy'i

*Chúng con xin được hộ trì bởi người để chuyển hóa những  
điều xảy ra thành con đường tu tập tăng trưởng hai Bồ Đề  
Tâm*

*Into a Path ever-enhancing the two Bodhicittas,*

བྱང་ཆུབ་སེམས་གཉིས་འཕལ་བའི་ལམ་བརྒྱུར་ཏེ།

j'ang-ch'ub sem-nyi p'el-wäi lam-gyur-te

*Qua thực tập ngũ lực - tinh túy của toàn Phật Pháp -  
Through the practice of the five forces, quintessence of the entire Dharma,*

ཡིད་བདེ་འབའ་ཞིག་སྒྲོམ་པར་བྱེན་གྱིས་རྫོབས།

yi-de ba-zhig gom-par j'in-gy'i-lob

*Và như vậy để an hòa chính chúng con với niềm hỷ lạc  
trong tâm.*

*And attune myself solely to the bliss of the mind.*

98. རྩུར་བ་བཞི་དང་ལྷན་པའི་ཐབས་མཁས་གྱིས།

jor-wa zhi-d'ang dân-päi t'ab-k'ä-kyi

*Bất kể chúng con gặp tình huống nào, chúng con cũng xin sự  
hộ trì của đức Bốn Sư để có thể thích hợp hoàn cảnh đó  
Please bless me to adapt whatever befalls me to meditation,*

འཕལ་ལ་གཤམ་བྱུག་སྒྲོམ་ལ་རྩུར་བ་དང་།

tr'äl-la gang-t'ug gom-la jor-wa-d'ang

*Với công phu thiền định qua phương tiện thiện xảo của  
bốn pháp hành trì*

*By skilful means of the four applications;*

ལོ་ཤྱོད་དམ་ཚིག་བསྐྱབ་བྱའི་ཉམ་ལེན་གྱིས།

lo-jong d'am-tsig lab-j'ai nyam-len-gy'i

*Chúng con xin cho cuộc sống tự do và nhiều triển vọng  
của đời này mang vô lượng ý nghĩa đạo.*

*And render this perfect rebirth infinitely meaningful,*

དལ་འབྱོར་ཆེན་བྱེད་པར་བྱེན་གྱིས་རྫོབས།

d'äl-jor d'ön-ch'en j'e-par j'in-gy'i-lob

*Nhờ những sự hành trì theo lời dạy và lời nguyện tu học  
sửa đổi tâm thức*

*By putting into practice the advice and commitments of mind training.*

99. གཏོང་ལེན་རྒྱ་ལ་བསྐྱོན་པའི་འཕུལ་འདོགས་ཅན།

tong-len lung-la kyön-päi tr'ul-deg-chän

*Để cứu vớt mọi chúng sinh khỏi bể lớn của luân hồi sinh tử*

*Please bless me to master bodhicitta through the superior intention*

བྱམས་དང་སྙིང་རྩེ་ལྷག་པའི་བསམ་པ་ཡིས།

j'am-d'ang nying-je lhag-päi sam-pa-yi

*Chúng con xin được hộ trì của đức Bốn Sư để trở nên tinh  
thục Bồ Đề Tâm*

*To rescue all beings from the vast seas of existence,*

འགྲོ་ལྔ་མས་སྤྱིད་མཚོ་ཆེ་ལས་སྦྱོལ་བའི་བྱིར།

dro-nam si-tso ch'e-lä dröl-wäi-ch'ir

*Qua nguyện ước trong sạch vị tha, không ích kỷ, và nhờ  
lòng từ bi thương yêu*

*Based on love and compassion that comes from*

བྱང་ཆུབ་སེམས་ཉིད་འབྱོར་ས་པར་བྱོན་གྱིས་སློབ་ས།

j'ang-ch'ub sem-nyi jong-par j'in-gy'i-lob

*Hòa chung với pháp môn quán biết, đưa lên, cho và nhận  
trong điều tức hơi thở*

*The visual technique of mounting giving and taking on the breath.*

100. དུས་གསུམ་རྒྱལ་བ་ཀུན་གྱི་བབ་གྲོང་གཅིག་ལམ།

d'u-sum gyäi-wa kun-gy'i drö-chig-lam

*Chúng con xin được hộ trì của đức Bốn Sư để chúng con  
hăng hái cố gắng*

*Please bless me to eagerly endeavour to put into practice*

ནམ་དག་རྒྱལ་སྤྱུང་སྒྲོམ་པས་རྒྱུད་བསྐྱམས་ཤིང་།

nam-d'ag gyäl-sa dom-pä gyu-dam-shing

*Tinh tấn tu tập hành trì ba giới luật của Đại thừa  
The three Mahayana moral codes*

ཐེག་མཆོག་ཚུལ་བྲིས་ས་གསུམ་གྱི་ཉམས་ལོན་ལ།

t'eg-ch'og tsul-tr'im sum-gy'i nyam-len-la

*Và kiềm chế dòng tâm thức để hành xử trong những lời  
nguyên Bồ Đề Tâm,*

*And restrain my mindstream with pure Bodhisattva vows*

བཙོན་པ་ལྟར་ལན་བྱེད་པར་བྱོན་གྱིས་སློབ་ས།

tzön-pa lhur-len j'e-par j'in-gy'i-lob

*Con đường duy nhất đã đi qua bởi chư Phật Thù Thắng  
trong ba đời.*

*The single Path journeyed by all Conquerors of the three times.*

101. ལུས་དང་ལོངས་སྤྱོད་དུས་གསུམ་དགོ་ཚེ་གས་བཅས།

lu-d'ang long-chö d'u-sum ge-tsog-chä

*Chúng con xin được hộ trì của đức Bốn Sư để hoàn thành  
hạnh bố thí ba la mật*

*Please bless me to complete the perfection of generosity*

སེམས་ཅན་རང་རང་འདོད་པའི་དངོས་བསྐྱར་ཏེ

sem-chän rang-rang dö-päi ngo-gyur-te

*Nhờ người chỉ dạy cách tăng trưởng tâm bố thí mà không  
dính mắc*

*Through the guideline teaching for enhancing the mind that gives without  
attachment:*

ཆགས་མེད་གཏོང་སེམས་སྤེལ་བའི་མན་ངག་གི།

ch'ag-me tong-sem pel-wäi män-ngag-g'i

*Chính là chuyển hóa thân, tài vật và công đức của chúng  
con qua ba đời*

*Transforming my body, wealth and collection of virtue of the three times,*

སྤྱོད་པའི་ཕར་སྤྱོད་ཚེ་གས་པ་སྤྱོད་གྱིས་རྫོབས།

jîn-päi p'ar-ch'in dzog-par j'in-gy'i-lob

*Thành những thức ao ước mong muốn bởi mỗi chúng sinh  
hữu tình.*

*Into objects desired by each sentient being.*

102. སོ་ཐར་བྱང་སེམས་གསང་སྤྲུགས་སྤྲོམ་པ་ཡི།

so-t'ar j'ang-sem sang-ngag dom-pa-yi

*Chúng con xin được hộ trì của đức Bốn Sư để hoàn thành  
hạnh trì giới ba la mật.*

*Please bless me to complete the perfection of moral discipline,*



བཅས་མཆོས་སྒྲིད་གི་ཕྱིར་ཡང་མི་གཏོང་ཞིང་།

chä-tsam sog-g'i ch'ir-yang mi-tong-zhing

*Hành động lợi ích chúng sinh hữu tình, tạo công đức lành*

*By working for the sake of sentient beings,*

དགོ་ཆོས་སྤྱད་དང་སེམས་ཅན་དོན་སྦྱབ་པ་ལྟེ།

ge-ch'ö du-d'ang sem-chän d'ön-drub-päi

*Và không phạm các giới cấm,*

*Enacting virtuous deeds and not transgressing*

ཚུལ་སྤྲིམས་པར་བྱེད་ཇོགས་པ་བྱེད་གྱིས་རྫོབས།

tsul-tr'im p'ar-ch'in dzog-par j'in-gy'i-lob

*Luôn giữ Bồ Đề Tâm và nghiêm trì các giới trong Mật tông  
dù phải hy sinh tính mạng.*

*The bounds of the pratimoksha, bodhicitta and tantric vows, even at  
the cost of my life.*

103. ཁམས་གསུམ་སྐྱིད་གུ་མ་ལུ་སྤྲོས་གུར་ཏེ།

k'am-sum kye-gu ma-lu tr'ö-gy'ur-te

*Cho dù nếu muôn vạn chúng sinh trong ba nẻo không trừ ai,  
Please bless me to complete the perfection of patient*

གཤེ་ཞིང་མཆོག་འབྲུ་བསྐྱིག་གིང་སྤྲོག་གཅིད་གུར་།

she-zhing tsang-dru dig-shing sog-chö-kyang

*Nổi sân hận lên, hạ nhục, chửi mắng, đe dọa và ngay cả  
giết hại chúng con,*

*By not getting upset whenever any being of the three realms*

མི་འཁྱུགས་གཞོན་ལན་ཕན་པ་སྐྱབ་བྱེད་པ་ལྟེ།

mi-tr'ug nö-län p'än-pa drub-j'e-päi

*Chúng con xin được hộ trì của đức Bốn Sư để hoàn thành  
hạnh nhẫn nhục ba la mật, không tuyệt vọng,  
Becomes angry at me, abuses, criticizes, threatens or even kills me.*

བཟོད་པའི་ཕར་ཕྱིན་ཇོགས་པར་བྱིན་གྱིས་སྦྱོབས།

zä-päi p'ar-ch'in dzog-par j'in-gy'i-lob

*Mà lại làm lợi ích cho các chúng sinh đó để lấy ân cảm  
hóa oán thù.  
Instead may I help them in response to their harm.*

104. སེམས་ཅན་རེ་རེ་ལྱིར་ཡང་མནར་མེད་པ་ལྟེ།

sem-chän re-rei ch'ir-yang nar-me-päi

*Cho dù nếu chúng con phải trải qua vô lượng a tăng kỳ  
kiếp trong lò lửa  
Please bless me to complete the perfection of perseverance*

མེན་པ་བསྐྱེད་ཀྱི་མཆོར་གནས་དགོས་ཀྱང་།

me-nang käl-pa gya-tsor nä-gö-kyang

*Của địa ngục Vô Gián vì lợi ích của một chúng sinh hữu  
tình.*

*By striving with compassion for supreme enlightenment,*

སྒྲིབ་ཇེས་མི་སྒྱུ་བྱང་ཆུབ་མཆོག་བརྩོན་པ་ལྟེ།

nying-je mi-kyo j'ang-ch'ub ch'og-tzön-päi

*Chúng con xin được hộ trì của đức Bốn Sư để hoàn thành  
hạnh tinh tấn ba la mật  
Not getting discouraged even if I must remain for an ocean of aeons*

བརྩོན་འགྲུས་མར་བྱོན་ཇོགས་པ་བྱོན་གྱིས་རྫོབས།

tzön-dr'u p'ar-ch'in dzog-par j'in-gy'i-lob

*Phấn đấu với lòng từ bi để đạt Giác Ngộ Tối Thượng và không bị nản lòng.*

*In the fiery hells of avici for every sentient being.*

105. བྱིང་རྩོས་རྣམ་པར་གཡེང་བའི་སྐྱོན་སྤངས་ནས།

j'ing-gö nam-par yeng-wäi kyön-pang-nä

*Từ bỏ tâm giải đãi biếng tu, tâm nóng nảy dao động và vọng tưởng,*

*Please bless me to complete the perfection of concentration,*

ཆོས་ཀྱན་བདེན་པས་སྦྱང་བའི་གནས་ལུགས་ལ།

ch'ö-kun den-pä tong-päi nä-lug-la

*Chúng con xin được hộ trì của đức Bốn Sư để hoàn thành hạnh thiền định ba la mật*

*Abandoning the faults of dullness, agitation and distraction*

ཅེ་གཅིག་མཉམ་པར་འཇོག་པའི་ཏིང་འཛིན་གྱིས།

tze-chig nyam-par jog-päi ting-dzin-gyi

*Nhờ định tâm quán chiếu trên thực tánh của vạn vật,*

*Through single-pointed concentration on the nature of phenomena,*

བསམ་གཏན་མར་བྱོན་ཇོགས་པ་བྱོན་གྱིས་རྫོབས།

sam-tän p'ar-ch'in dzog-par j'in-gy'i-log

*Thấy rõ mọi pháp đều không có tự tánh, vô ngã.*

*Which is their emptiness of true existence.*

106. དེ་ཉིད་སོ་སོར་རྟོགས་པའི་ཤེས་ཏུ་བ་གྱིས།

d'e-nyi so-sor tog-päi she-rab-kyi

*Chúng con xin được hộ trì của đức Bốn Sư để hoàn thành  
hạnh trí huệ ba la mật*

*Please bless me to complete the perfection of wisdom,*

དངས་པའི་ཤི་སྤྱདས་བདེ་ཆེན་དང་འབྲེལ་བ།

dr'ang-päi shin-jang de-ch'en d'ang-drel-we

*Nhờ thiền định Du Già Tánh Không, quán chiếu thực tánh  
rốt ráo*

*Through the space-like yoga absorbed on ultimate truth,*

དོན་དམ་མཉམ་བཞག་ནམ་མཁའི་རྣལ་འབྱོར་གྱིས།

d'ön-d'am nyam-zhag nam-käi näl-jor-gy'i

*Kết hợp với đại định và niềm Đại Hỷ Lạc phát sinh  
Joined with suppleness and great bliss*

ཤེས་རབ་པར་བྱིན་རྟོགས་པ་བྱིན་གྱིས་རྣོ་བས།

she-rab p'ar-ch'in dzog-par j'in-gy'i-lob

*Và nhờ Diệu Quan Sát Trí thành tựu phân biện Thực Tại  
Như Như.*

*Induced by the discriminating wisdom analysing suchness.*

107. བྱིན་ཆོས་རྣམས་སྤྱུ་མ་མི་ལམ་དང་།

ch'i-nang ch'ö-nam gyu-ma mi-lam-d'ang

*Chúng con xin được hộ trì của đức Bốn Sư để hoàn thành  
thiền định quán huyễn hóa*

*Please bless me to perfect samadhi on illusion*

དངས་པའི་མཆོ་ནག་ལྷ་གཟུགས་ཇི་བཞིན་དུ།

d'ang-wäi tso-nang da-zug j'i-zhin-d'u

*Nhận chân mọi pháp bên ngoài*

*By realizing how all inner and outer phenomena*

སྒང་ཡང་བདེན་པར་མེད་པའི་ཚུལ་རྟོགས་ནས།

nang-yang den-par me-päi tsul-tog-nä

*Đều không có tự ngã, mà vẫn hiển bày*

*Lack true existence, yet still appear*

སྒྱུ་མའི་ཏིང་འཛིན་ཇོགས་པ་བྱིན་གྱིས་རྫོབས།

gyu-mäi ting-dzin dzog-par j'in-gy'i-lob

*Như ảo ảnh trong gương, như mộng ảo, như bóng trắng  
trên mặt hồ nước lặng.*

*Like a mirage, a dream or the moon's image on a still lake.*

108. འཁོར་འདས་རང་བཞིན་རྩལ་ཙམ་མེད་པ་དང་།

k'or-dä rang-zhin dul tzan me pa-d'ang

*Luân hồi và Niết Bàn cũng còn thiếu một nguyên tử của  
hiện hữu*

*Samsara and nirvana lack even an atom of true existence,*

རྒྱུ་འབྲས་རྟན་འབྲེལ་བསྐྱུ་བ་མེད་པ་གཉིས།

gyu-drä ten-drel lu-wa me-pa-nyi

*Khi mà thuyết nhân quả và tương tức duyên khởi không  
bao giờ sai*

*While cause and effect and dependent arising are unfailing.*

ཕན་ཚུན་འགལ་མེད་གྲོགས་སུ་འཆར་བ་ཡི།

p'än-tsun gäl-me dr'og-su ch'ar-wa-yi

*Chúng con xin được hộ trì của đức Bốn Sư để nhận thức rõ ràng ý nghĩa trong tư tưởng trung quán luận của Bồ Tát*

*Long Thọ*

*Please bless me to realize the import of Nagarjuna's thought*

ལུ་དྲུབ་དགོངས་དོན་རྟོག་པར་བྱིན་གྱིས་རྫོབ་ས།

lu-drub gong-d'ön tog-par j'in-gy'i-lob

*Đó là hai thuyết trên bổ sung, khế hợp nhau mà không hề đối chọi.*

*That these two are complementary and not contradictory.*

109. དེ་ནས་དོན་རྟོག་པར་དེད་དཔན་གྱི།

d'e-nä dor-je dzin-päi d'e-pön-gyi

*Và như thế, chúng con xin được hộ trì của đức Bốn Sư để chúng con vượt qua được biển học phức tạp của Mật tông*  
*And then please bless me to cross the deep ocean of Tantra,*

དེའི་ལས་རྒྱུད་ཤེས་ཀྱི་མཆོད་མཇེངས་བརྒྱལ་ཏེ།

dr'in-lä gyu-de gya-tsöl jing-gäl-te

*Nhờ lòng thương của Đức Bốn Sư Điều Ngự Kim Cang Trì*  
*Through your kindness my navigator, Vajradhara,*

དངོས་གྲུབ་རྩ་བ་དམ་ཆོག་སྡོམ་པ་རྒྱམ་ས།

ngö-dr'ub tza-wa d'am-tsig dom-pa-nam

*Và giúp chúng con biết trân quý trì giới, giữ lời danh dự hơn cả mạng sống của chúng con.*

*And hold dearer than life my vows and words of honour,*

སྒོག་ལས་གཅེས་པར་འཛིན་པར་བྱིན་གྱིས་རྫོབས།

sog-lä che-par dzin-par j'in-gy'i-lob

*Đó là cội gốc của Giác Ngộ dũng mãnh.*

*Which are the roots of powerful attainments.*

110. རྒྱུ་ཤི་བར་དོ་རྒྱལ་བའི་སྐྱ་གསུམ་དུ།

kye-shi b'ar-d'o gyäl-wäl ku-sum-d'u

*Please bless me to cleanse all stains of grasping at ordinary appearance,*

ལྷུར་བའི་རིམ་པ་དང་པོའི་རྣལ་འབྱོར་གྱིས།

gyur-wäi rim-pa d'ang-pöi näl-jor-gy'i

*Chúng con xin được hộ trì của đức Bốn Sư để rửa sạch mọi  
dấu vết phàm phu và chấp thủ*

*Through the first stage yoga of transforming birth, death and between,*

ཐ་མལ་སྐྱད་ཞོན་དེ་མ་གྲུག་སྐྱདས་ཏེ།

t'a-mäl nang-zhen dr'i-ma kun-jang-te

*Nhờ hành trì pháp môn Du Già tăng lớp thứ nhất chuyển*

*hóa sinh tử và trung ấm thành Tam Thân Phật,*

*Into the three kayas of a Buddha,*

གང་སྐྱད་ལྷ་སྐྱུར་འཆར་བར་བྱིན་གྱིས་རྫོབས།

g'ang-nang lha-kur ch'ar-war j'in-gy'i-lob

*Để chuyển hóa bất cứ thân nào khởi lên thành thân Bồ Tát*

*Seeing whatever arises as the form of my yidam*

111. སྙིང་གའི་འདབ་བརྒྱད་རྩྱུ་ཏྲི་འི་དབུས་དག་ཏུ།

nying-g'äi dab-gyä du-ti u-d'ag-tu

*Chúng con xin được hộ trì của đức Bốn Sư để hành trì*

*ngay trong đời này con đường đạo Hợp Nhất*

*Please bless me to realize in this life*

མགོན་ཁྱེད་ཞབས་སོན་བཀོད་པ་ལས་བྱུང་བ།

gön-ky'ö zhab-sen kö-pa lä-j'ung-wa

*Kết hợp Thanh Quang và Huyền Thân khởi lên  
The path uniting the clear light and illusory body,*

འོད་གསལ་ལྷུ་ལུས་བྱུང་དུ་འཇུག་པའི་ལམ།

wö-säl gyu-lu zung-d'u jug-päi-lam

*Khi bàn chân người, hỡi Đấng Hộ Pháp, đặt lên trên  
chính trung tâm*

*Arising from placing your feet, my Protector,*

ཞེ་འདིར་མགོན་དུ་འགྱུར་བར་བྱིན་གྱིས་སློབ་ས།

tse-dir ngön-d'u gyur-war j'in-gy'i-lob

*Của luân xa hoa sen kinh mạch trung ương, giữa hoa sen  
tám cánh ngay tại tim chúng con.*

*In the central channel at the very centre of my eight-petalled heart.*

112. ལམ་སྣ་མ་ཟིན་འཆི་བའི་དུས་བྱུང་ན།

lam-na ma-zin ch'i-wäi d'u-j'e-na

*Nếu chúng con chưa đạt viên mãn trong kiếp này trước khi  
chết*

*Please bless me to reach a pure land,*

བཙན་ཐབས་འཆང་རྒྱ་སྤྲེལ་པའི་འཕོ་བ་ནི།

tzän-t'ab tsang-gya la-mä p'o-wa-ni

*Chúng con xin được hộ trì của đức Bốn Sư được đưa về  
cõi Tịnh Độ*

*Should the points of the Path not be completed at death;*

སློབ་ས་ལྷ་ཡང་དག་སྐུར་བའི་གདངས་དག་གིས།

tob-nga yang-d'ag jar-wäi dam-ngag-g'i

*Nương nhờ tu học áp dụng chuyên cần ngũ lực*

*By either the forceful means of enlightenment, the Guru's mind  
transference,*



དག་པའི་ཞིང་དུ་བགྱོད་པར་བྱིན་གྱིས་རྫོབས།

d'ag-päi zhing-d'u drö-par j'in-gy'i-lob

*Hoặc là nhờ mãnh lực Giác Ngộ của pháp chuyển thức  
của đức Bốn Sư*

*Or by the advice on applying the five forces.*

113. མདོར་ན་སྐྱེ་ཞིང་སྐྱེ་བ་ཐམས་ཅད་དུ།

dor-na kye-zhing kye-wa t'am-chä-d'u

*Tóm lại, chúng con tìm đến sự hộ trì của đức Bốn Sư, hồi  
đáng Hộ Pháp, xin người che chở cho chúng con*

*In short, please bless me my Protector, to be cared for by you*

མགོན་པོ་ཁྱོད་གྱིས་འབྲུལ་མེད་རྗེས་བཟུང་ནས།

gön-po ky'ö-kyi dräl-me je-zung-nä

*Từ vô lượng tái sinh, qua bao nhiêu kiếp đời  
From birth unremittently throughout all my lives,*

སྐྱེ་གསུང་ཐུགས་གྱི་གསང་བ་ཀུན་འཛིན་པའི།

ku-sung t'ug-kyi sang-wa kun-dzin-päi

*Và xin trở thành đại đệ tử của người*

*Until I become your chief disciple,*

སྙིང་གི་སྤྱོད་པར་འགྱུར་བར་བྱིན་གྱིས་རྫོབས།

sä-kyi t'u-wor gyur-war j'in-gy'i-lob

*Gìn giữ mọi mật pháp thân, khẩu, ý của người*

*Holding every secret of your body, speech and mind*

114. མགོན་ཁྱེད་གང་དུ་མངོན་པར་སངས་རྒྱས་པའི།

gön-ky'ö g'ang-d'u ngön-par sang-gyă-pai

*Hỡi đấng Hộ Pháp, xin ban cho chúng con mọi phép lành  
để chúng con vào trong vòng đệ tử đầu tiên của người.*

*My Protector, please grant that all be auspicious for m*

འཁོར་གྱི་ཐོག་མ་ཉིད་དུ་བདག་གྱུར་ཏེ།

k'or-gy'i t'og-ma nyi-d'u dag-gy'ur-te

*Dù ở bất cứ nơi nào và trong hóa thân Phật tánh nào của  
người*

*To be among your first circle of disciples whenever you manifest Buddhahood*

གནས་སྐབས་མཐར་ཐུག་དགོས་འདོད་མ་ལུས་པ།

nä-kab t'ar-t'ug gö-dö ma-lu-pa

*Và nhờ thế nên mọi nguyện hạnh thế tục và tối hậu rốt ráo  
So all my temporal and ultimate wishes, without exception,*

འབད་མེད་ལྷན་གྱིས་གྱུ་པའི་བཀྲ་ཤིས་སྦྱེལ།

bä-me lhun-ky'i dr'ub-päi tra-shi-tzöl

*Của chúng con được thành tựu nhanh chóng tự nhiên, để  
dàng và không ngoại lệ,  
Become effortlessly and spontaneously fulfilled.*

115. དེ་ལྟར་གསོལ་བ་བཏབ་པས་སྤྲུམ་མཚོ་ག།

d'e-tar söl-wa tab-pä la-ma-ch'og

*Sau khi khẩn xin đấng Bốn Sư Tối Thượng như thế, xin  
người hộ trì ban cho chúng con kỳ nguyện sau:*

*Having thus been entreated, supreme Guru,*

བྱིན་གྱིས་རྒྱབས་བྱིར་དགེས་བཞིན་སྒྱིབ་པར་བྱོན།

j'in-gy'i lab-ch'ir gye-zhin chi-wor-j'ön

Để người ban phép lành rạng ngời an lạc trên đỉnh đầu  
chúng con

Pray grant this request: happily alight on the crown of my head

སྒྲུབ་ཡང་སྒྲིང་གའི་པད་མའི་ཟེའུ་འགྲུ་ལ།

lar-yang nying-g'ai pä-mäi zeu-dru-la

Và một lần nữa đặt hai bàn chân tỏa rạng

So that you might bless me, and once again

འབས་མེན་འོད་ཆགས་བརྟན་པར་བཞུགས་སུ་གསོལ།

zhab-sen wö-ch'ag tän-par zhug-su-söl

Vững chắc trên vòng luân xa hoa sen nơi tim chúng con.

Set your radiant feet firmly at the corolla of my lotus heart.

## X. HỒI HƯỚNG

### DEDICATION

116. འདི་ལྟར་བྱིས་པའི་རྣམ་དཀར་དག་བཡང་།

di-tar gyi-päi nam-kar ge-wa-yang

Chúng con xin hồi hướng mọi công đức lành đã tạo ra

I dedicate whatever white virtues thus create

དུས་གསུམ་བདེ་ག་ཤེགས་སྒྲུབ་བཅས་ཐམས་ཅད་ཀྱི།

d'u-sum de-sheg sä-chä t'am-chä-kyi

Là nhân giúp cho chúng con gìn giữ Chánh Pháp của

kinh điển và của nội chúng

as causes to uphold the holy Dharma of scripture and insight,

མཇེད་པ་སྒྲིལ་ལམ་མ་ལུས་བསྐྱབ་པ་དང་།

dzä-pa mön-lam ma-lu drub-pa-d'ang

Và thành tựu không ngoại lệ những cầu nguyện và đức hạnh

and to fulfil without exception the prayers and deeds

ལུང་རྟོགས་དམ་ཚལ་འཛིན་པའི་རྒྱ་རུ་བསྟོ།

lung-tog d'am-ch'ö dzin-päi gyu-ru-ngo

*Của vô lượng chư Phật và chư Bồ Tát trong ba đời  
of all Buddhas and bodhisattvas of the three times.*

117. དེ་ཡིས་སྤུ་ལས་ཆོར་བས་ཀྱན་ཏུ་བདག་།

d'e-yi t'u-lä tse-rab kun-tu-dag

*Nương nhờ năng lực của các công đức từ vô lượng kiếp  
By the force of this merit,*

ཐེག་མཆོག་འཁོར་ལོ་བཞི་དང་མི་འབྲལ་ཞིང་།

t'eg-ch'og k'or-lo zhi-d'ang mi-dräl-zhing

*Xin nguyện chúng con không bao giờ rời xa bốn phạm trù  
của Đại Thừa*

*may I never by parted in all my lives*

ངེས་འབྱུང་བྱུང་སེམས་ཡང་དག་ལྟ་བུ་དང་།

nge-jung j'ang-sem yang-d'ag ta-wa-d'ang

*Và xin cho chúng con đi trên con đường đạo, hành trình  
đến tận đích*

*from Mahayana's four spheres, and reach the end of my journey*

\* རིམ་གཉིས་ལམ་གྱི་བསྟོན་པ་མཐར་ཐྱིན་ཞེས་།

rim-nyi lam-gy'i drö-pa t'ar-ch'in-shog

*Của sự từ bỏ thế tục, phát triển Bồ Đề Tâm, tu học chánh  
kiến và hai giai đoạn*

*along the path of renunciation, bodhicitta, pure view and the two  
stages.*

**XI. KÊ BAN PHÉP LÀNH**  
**VERSES FOR AUSPICIOUSNESS**

118. སྤྱིད་ཁྱིའི་རྣམ་དཀར་ཇི་སྟིད་དགོ་མཚན་གྲུས།

si-zhii nam-kar j'i-nye ge-tsän-gy'i

*Nhờ các công đức lành tích tụ trong cõi luân hồi ta bà và cõi Niết Bàn.*

*Through whatever excellent white virtues exist in samsara and nirvana*

དང་འདིར་མི་ཞིས་རྒྱུད་པ་ཀུན་བྱལ་ཏེ།

d'eng-dir mi-shig gu-pa kun-dr'äl-te

*Xin nguyện cho phép lành rải xuống chúng con, giải thoát ngay tại đây và bây giờ ra khỏi mọi tai họa và gian khổ.*  
*may all be auspicious for us to be free, here and now,*

གནས་སྐབས་མཐར་ཐུག་དགོ་ལེགས་རྣམ་མཁའི་མཛོད།

nä-kab t'ar-t'ug ge-leg nam-käi-dzö

*Xin hưởng trọn châu báu toàn hảo huy hoàng của cõi thiên  
from all misfortune and hardship, and enjoy a glorious,*

\* ཐུན་ཚོགས་དཔལ་ལ་རྣམ་པའི་བཀྲ་ཞིས་ཞེག།

p'un-tsog päi-la röl-päi tra-shi-shog

*Của các công đức thế gian, của mọi điều lành và các công  
đức tối hậu rốt ráo của chư Phật*  
*perfect, celestial treasure of temporal and ultimate virtue and goodness.*

119. ཀུན་མཁྱེན་སྤྱོད་བཟང་གྲགས་པའི་ཚེས་ཀྱི་སྟེར།

kun-ky'en lo-zang dr'ag-päi ch'ö-kyi-der

*Xin nguyện cho phép lành rải xuống để Phật pháp mãi mãi  
lưu truyền*

*May all be auspicious for the Buddha's teachings to long endure*

བསྐྱབ་གསུམ་རྣམ་དག་རྩེ་གཅིག་སྒྲུབ་ལ་བརྩོན།

lab-sum nam-d'ag tze-chig drub-la-tzön

*Từ bậc Giác Ngộ Toàn Trí Bồ Đề Tổng Lạt Ba, người là  
nguồn đạo pháp,*

*through your centres of Dharma, omniscient Lozang Dragpa,*

རྣལ་འབྱོར་རབ་བྱུང་ཚོགས་ཀྱིས་ཡོངས་གང་བས།

näl-jor rab-j'ung tsog-kyi yong-g'ang-wä

*Bao quanh bởi toàn chư tăng tôn túc, các bậc thánh trí Du  
Già Sư*

*being filled with hosts of yogis and the ordained*

\* ཐུབ་བསྟན་ཡུན་དུ་གནས་པའི་བཀྲ་ཤིས་ཤོག།

t'ub-tän yun-d'u nä-päi tra-shi-shog

*Phấn đấu thiền định tinh tấn thông suốt Tam thượng học  
thanh tịnh*

*striving one-pointedly to master the three pure trainings.*

120. གཞོན་ནུའི་དུས་ནས་སྤུམ་ལྷ་མཚོག་ལ།

zhön-nui d'u-nä la-ma lha-ch'og-la

*Sau khi cầu nguyện phép lành từ tổ Tổng Lạt Ba, người đã  
từ khi còn trẻ*

*Having requested your blessings, Lozang Dragpa,*

གསོལ་བ་བདེ་པས་སྤྱོད་ཟུང་གྲགས་པ་ཡི།

söl-wa tab-pä lo-zang dr'ag-pa-yi

*Cầu nguyện đến Đức Phật Bốn Sư tối thượng,*

*who from the time of your youth made request to the supreme Guru-Yidam*

ཕྱིན་ལྷ་བས་ཞུགས་ནས་གཞན་དོན་ལྷན་གྱིས་གྲུབ།

j'in-lab zhug-nä zhän-d'ön lhun-gy'i-dr'ub

*Xin nguyện cho phép lành đến với người, Tổ Kim Cang Trì  
Tống Lạt Ba,*

*may all be auspicious for you, Lozang Vajradhara,*

\* ལྷོ་བཟང་དོ་ཇེ་འཆང་གི་བཀྲ་ཤིས་ཤོག།

lo-zang dor-je ch'ang-g'i tra-shi-shog

*Xin người ban cho mọi chúng sinh được tựu thành nhanh  
chóng tự nhiên các ước nguyện.*

*to grant spontaneously the wishes of others.*

121. འདོད་དགའི་འབྱུར་བ་དབྱུར་གྱི་མཚོ་ལྷར་འཕེལ།

dö-gui jor-pa yar-gy'i tso-tar-p'el

*May all be auspicious for all our desired endowments to swell like a  
lake in the summer rains,*

སྐྱོན་མེད་རིགས་ཀྱི་དལ་འགྲོ་རྒྱུ་ཆད་མེད།

kyön-me rig-kyi d'äl-dro gyun-ch'ä-me

*Xin nguyện cho phép lành ban xuống để cho tất cả những  
năng khiếu ước muốn của chúng con tăng trưởng như mực  
nước hồ sau cơn mưa mùa hạ*

*bringing an unbroken flow of rebirth in faultless families,*

ཉིན་མཚན་སྤྱོད་བཟང་དམ་པའི་ཚས་གྱིས་འདུཌ།

nyin-tsän lo-zang d'am-päi ch'ö-kyi-da

*Mang lại giòng tái sinh không cắt đoạn, thanh nhàn trong  
những gia đình tu tập nhiều công đức*

*so that we may pass our days and nights with Lozang's holy Dharma,*

\* ཐུན་ཚཱིག་ས་དཔལ་ལ་རོལ་པའི་བགྲ་ཤིས་ཤིག།

p'un-tsog päl-la röl-päi tra-shi-shog

*Như vậy để chúng con có thể tiếp tục ngày đêm tu học*

*Chánh Pháp, kính bạch Tổ Tổng Lạt Ba*

*Và như thế hoan hỉ trong ánh huy hoàng của chân thiện mỹ  
and thus delight in the glories of perfection.*

122. བདག་སྐྱེས་སྐྱེས་རྣམས་ཀྱིས་དང་ནས་བྱང་ཆུབ་བར།

dag-sog nam-kyi d'eng-nä j'ang-chub-b'ar

*Xin cho tất cả những công đức chúng con đã tích tụ trong  
quá khứ*

*By the collection of whatever virtues I and others have done,*

བགྲིས་དང་བགྲིད་འགྱུར་དགོ་བཅིབ་སྐྱེས་པ།

gyi-d'ang gyi-gyur ge-wa chi-sag-pa

*Hoặc sẽ tích tụ từ giờ cho đến khi Giác Ngộ  
and shall do from now until our enlightenment,*

ཞིང་འདིར་རྗེ་བཙུན་དམ་པའི་གཟུགས་ཀྱི་སྐྱེ།

zhing-dir je-tzun d'am-päi zug-kyi-ku

*Cộng thêm mọi điều lành mang đến kính dâng lên sắc  
thân người, hỡi Bậc Thánh Trí tôn kính*

*may all be auspicious holy venerable One, for your Form Body*

\* འགྱུར་མེད་དོན་རྗེ་ལྷ་ར་བརྟན་བགྲ་ཤིས་ཤིག།

gyur-me dor-je tar-tän tra-shi-shog

*Và cầu nguyện cho người mãi trụ thế gian, bất động bất  
biến như chùy kim cang*

*to remain in this land, immutable like a vajra.*



## **XII. KÊ KẾT THÚC HỒI HƯỚNG LAM-RIM**

### **FINAL LAM RIM DEDICATION PRAYER**

དེར་ནི་རིང་དུ་འབད་ལས་ཆོག་པ་གཉིས་ནི།།

d'er-ni ring-d'u bă-lă tsog-nyi-ni

*Từ hai tích lũy công đức, lớn như hư không mà chúng con  
đã thu thập*

*From my two collections, vast as sapce, that I have amassed*

མཁའ་ལྟར་ཡངས་པ་གང་བསག་པ་དེས།

k'ä-t'ar yang-pa g'ang-zhig sag-pa-d'e

*Từ những tu tập hành trì tinh tấn qua vô lượng thời gian,  
From working with effort at this practice for a great length of time*

ལྷོ་མིག་མ་རིག་གིས་ལྷོངས་འགྲོ་བ་ཀུན།

lo-mig ma-rig g'i-dong dro-wa-nam

*Xin nguyện cho đệ tử đạt thành Phật, Đạo Sư trưởng dẫn  
dắt tất cả các chúng sinh*

*May I become the chief leading Buddha for all those*

ནམ་འདྲེན་རྒྱལ་བའི་དབང་པོར་བདག་གྱུར་ཅིག།

nam-dren gyäl-wă wang-por dag-gy'ur chig

*Mà con mắt trí tuệ vẫn còn bị che mờ bởi si mê.*

*Whose mind's wisdom eye is blinded by ignorance*

དེར་མ་སོན་པའི་ཆོར་བས་ཀུན་ཏུ་ཡང།

d'er-ma sön-păi tse-rab kun-tu-yang

*Dù nếu đệ tử chưa đạt được nguyện trên, xin cho chúng  
con được sống*

*Even if I do not reach this state, may I be held*

།འཇམ་པའི་དབྱངས་ཀྱིས་བརྟེ་བས་རྗེས་བཟུང་སྟེ།

jam-päi yang-kyi tze-wä je-zung-nä

*Trong ánh từ bi của Đức Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, suốt  
các kiếp vị lai*

*In your loving compassion for all my lives, Manjushri*

།བསྟན་པའི་རིམ་པ་ཀུན་ཚང་ལས་གྱི་མཆོག།

tän-päi rim-pa kun-tsang lam-gy'i ch'og

*Xin cho chúng con tìm học được những pháp hay nhất  
trong giáo lý của con đường thứ lớp viên mãn,  
May I find the best of complete graded paths of the teachings*

།རྟེན་ནས་སྒྲུབ་པས་སྐྱེ་ལ་རྣམས་མཉེས་བྱེད་ཤིག། །

nye-nä drub-päi gyal-nam nye-j'e-shog

*Đệ tử nguyện xin tu tập để hoan hỉ chư Phật.  
And may I pleased all Buddhas by practising*

རང་གིས་ཇི་བཞིན་རྟོགས་པའི་ལས་གྱི་གནད།

rang-g'i j'i-zhin tog-päi lam-gy'i-nä

*Dùng những phương tiện thiện xảo rút từ mãnh lực của từ bi,  
Using skillful means drawn by the strong force of compassion,*

།ཤུགས་དྲག་བཅོམས་དངས་པའི་ཐབས་མཁས་གྱི། །

shug-dr'ag tze-wä dr'ang-wäi t'ab-k'ä-kyi

*Xin cho chúng con làm xóa tan màn đen của tâm thức  
mọi chúng sinh*

*May I clear the darkness from the minds of all beings*

འགྲོ་བའི་ཡིད་ཀྱི་སྒྲུབ་པ་བསལ་བྱས་ནས།

dro-wäi yi-kyi mun-pa säl-j'ä-nä

*Với những móc chỉ của con đường đạo mà chúng con đã  
nhận thức thông suốt:*

*With the points of the paths as I have discerned them:*

| རྒྱལ་བའི་བསྟན་པ་ཡུན་རིང་འཛིན་གུར་ཅིག། |

gyäl-wäi tän-pa yun-ring dzin-gy'ur-chig

*Xin nguyện cho chúng con có thể gìn giữ Phật Pháp mãi mãi.  
May I uphold Buddha's teachings for a very long time.*

བསྟན་པ་རིན་ཆེན་མཆོག་གིས་མ་བྱུང་པ་འཕམ།

tän-pa rin-ch'en ch'og-gi ma-ky'ab-pam

*Với tâm chúng con rải từ bi  
With my haert going out with great compassion*

| རྒྱབ་ཀྱང་ཉམས་པར་གུར་པའི་ཕྱོགས་དེར་ནི། |

ky'ab-kyang nyam-par gy'ur-wäi ch'og-d'er-ni

*Ra mọi phương mang theo những giáo pháp tôn quý nhất  
In whatever direction the most precious teachings*

སྤིང་ཇེ་ཆེན་པོས་ཡིད་རབ་བསྐྱོད་པ་ཡིས།

nying-je ch'en-pö yi-rab kyö-pa-yi

*Chưa được rao truyền hoặc đã được hoằng hóa nhưng  
đã suy tàn,*

*Have not yet stread, or once spread have declined*

| བཞུགས་པའི་གཏེར་དེ་གསལ་ལ་བར་བྱེད་པར་ཞིག། |

p'än-dei ter-d'e säl-war je-par-shog

*Xin cho chúng con rao truyền kho tàng hạnh phúc thường  
tại và lợi tha.*

*May I expose this treasure of happiness and aid*

སྤྱུང་བཅས་རྒྱལ་བའི་མྱད་གྱུར་འཕྲིན་ལས་ལས།

sä-chä gyäl-wäi mä-j'ung tr'in-lä-lä

*Xin nguyện cho tâm thức của những hành giả đạo Giác*

*Ngộ Giải Thoát có niềm an lạc vô biên*

*May the minds of those who wish for Liberation be granted bounteous  
peace*

ལེགས་གྲུབ་བྱང་ཆུབ་ལས་གྱི་རིམ་པས་གྱང་། །

leg-dr'ub j'ang-ch'ub lam-gy'i rim-pä-kyang

*Và các hạnh nguyện chư Phật được ấp ủ, tồn tại mãi mãi  
And the Buddhas' deeds be nourished for a long time*

ཐར་འདོད་རྣམས་གྱི་ཡིད་ལ་དཔལ་སྟེར་གིང་།

t'ar-dö nam-kyi yi-la päl-ter-zhing

*Nhờ chính Pháp Môn Thứ Lớp Lam-Rim để đạt Giác Ngộ  
viên mãn*

*By even this Graded Course to Enlightenmenbt completed due to*

ཀླུ་པའི་མཛད་པ་རིང་དུ་སྐྱོང་གྱུར་ཅིག། །

gyäl-wäi dzä-pa ring-d'u kyong-gy'ur-chig

*Do những đạo hạnh màu nhiệm của chư Phật và các môn  
đệ của người.*

*The wondrous virtuous conduct of the Buddhas and their Sons*

ལས་བཟང་བསྐྱོགས་པའི་མཐུན་རྒྱུ་སྤྱོད་ཅིང་།

lam-zang dr'ub-päi t'un-kyen drub-j'e-ching

*Xin cho tất cả các chúng sinh cõi người và các cõi khác  
tiêu trừ mọi chướng ngại*

*May all human and non-human beings who eliminate adversity*

འགལ་རྒྱུ་སེལ་བྱེད་མི་དང་མི་མིན་གྱུ་ན། །

gäi-kyen sel-j'e mi-d'ang mi-min-kun

*Mang lại thuận duyên tu tập hành trì con đường đạo xuất  
sắc*

*And make things conducive for practising the excellent paths*

ཆོ་རབས་གྱུ་རྒྱུ་ཀླུ་པས་བསྐྱོགས་པ་ཡི།

tse-rab kun-tu gyäl-wäi ngag-pa-yi

*Đời đời kiếp kiếp không rời xa*

*Never parted in any of their lives*

|ལྷ་མ་དག་ལམ་དང་འབྲལ་བར་མ་གྱུར་ཅིག། |

nam-d'ag lam-d'ang dräl-war ma-gy'ur-chig

*Con đường Đạo pháp thanh tịnh nhất mà chư Phật tán thán  
From the purest path praised by the Buddhas*

|གང་ཆེ་ཐེག་པ་མཆོག་ལ་ཆོས་སྤྱོད་བཅུ་ལ།

g'ang-tse t'eg-pa ch'og-la ch'ö-chö-chu

*Mỗi lần có người nào cố gắng tinh tấn hành trì  
Whenever someone makes effort to act*

|ཚུ་ལ་བཞིན་བསྐྱབ་ལ་བཙོན་པ་དེ་ཡི་ཆོ།

tsul-zhin dr'ub-la tzön-pa d'e-yi-tse

*Theo giáo pháp Đại Thừa Thập Địa đức hạnh  
In accordance with the ten-fold Mahayana virtuous practices*

|མཐུ་ལྷན་རྒྱལ་ས་ཀྱིས་རྟག་ཏུ་གྲོགས་བྱེད་ཅིང་།།

t'u-dän nam-kyi tag-tu dr'og-j'e-ching

*Xin nguyện cho người đó được hộ trì che chở bởi đấng  
đại hùng đại lực*

*May he always be assisted by the mighty ones*

|བྲག་ཤིས་རྒྱ་མཆོས་སྤྱོད་ས་ཀྱན་ཁྱབ་གྱུར་ཅིག། |

tra-shi gya-tsö ch'og-kun kya'b-gy'ur-chig

*Và xin nguyện cho biển pháp phát triển và truyền bá mọi  
nơi.*

*And may oceans of prosperity spread everywhere .*

